VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 23/2017/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Đồng Tháp

(Tiếp theo Công báo số 715 + 716)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2017/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐỒNG THÁP

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 04"	105° 39' 02"					C-48-44-A-d
Khóm 2	DC	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 31"	105° 38' 49"					C-48-44-A-d
Khóm 3	DC	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 38"	105° 39' 20"					C-48-44-A-d
Khóm 4	DC	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 38"	105° 39' 52"					C-48-44-A-d
Khóm 5	DC	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 01"	105° 39' 45"					C-48-44-A-d
Quốc lộ 80	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 851	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 17' 22"	105° 39' 29"	10° 15' 28"	105° 35' 29"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 18' 47"	105° 44' 39"	10° 16' 53"	105° 38' 30"	C-48-44-A-d
cầu Hòa Long	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 18"	105° 39' 24"					C-48-44-A-d
cầu Hòa Long (cầu Ba Dinh)	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 27"	105° 39' 26"					C-48-44-A-d
đình Hòa Long	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 43"	105° 38' 26"					C-48-44-A-d
nhà thờ công giáo Hòa Long	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 24"	105° 39' 04"					C-48-44-A-d
nhà thờ Tin Lành Lai Vung	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 15"	105° 39' 40"					C-48-44-A-d
thánh thất họ đạo Lai Vung	KX	TT. Lai Vung	H. Lai Vung	10° 17' 11"	105° 39' 17"					C-48-44-A-d
kênh Hộ Bà Nương	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 17' 14"	105° 39' 28"	10° 15' 42"	105° 38' 11"	C-48-44-A-d
kênh Họa Đồ	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 16' 41"	105° 44' 01"	10° 17' 13"	105° 39' 31"	C-48-44-A-d
kênh xáng Ba Dinh - Xẻo Núi	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 19' 02"	105° 38' 29"	10° 17' 27"	105° 39' 28"	C-48-44-A-d
rạch Ba Dinh	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 17' 23"	105° 39' 20"	10° 18' 54"	105° 41' 04"	C-48-44-A-d
rạch Cái Bàng	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 15' 51"	105° 40' 43"	10° 17' 13"	105° 39' 31"	C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Chanh	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 17' 09"	105° 39' 40"	C-48-44-A-d
rạch Cái Sơn	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 18' 18"	105° 38' 58"	10° 17' 43"	105° 38' 24"	C-48-44-A-d
rạch Hòa Long	TV	TT. Lai Vung	H. Lai Vung			10° 17' 13"	105° 39' 31"	10° 17' 43"	105° 38' 24"	C-48-44-A-d
ấp Định Mỹ	DC	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 49"	105° 40' 10"					C-48-44-C-b
ấp Định Phong	DC	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 30"	105° 40' 34"					C-48-44-C-b
ấp Định Phú	DC	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 16"	105° 39' 38"					C-48-44-C-b
ấp Định Tân	DC	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 47"	105° 40' 13"					C-48-44-C-b
ấp Định Thành	DC	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 07"	105° 39' 49"					C-48-44-C-b
Quốc lộ 54	KX	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-C-b
cầu Bằng Lăng	KX	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 27"	105° 39' 55"					C-48-44-C-b
cầu Cái Sâu	KX	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 29"	105° 39' 32"					C-48-44-C-b
chùa Bửu Lâm	KX	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 59"	105° 39' 03"					C-48-44-C-b
đình Định Hòa	KX	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 50"	105° 39' 41"					C-48-44-C-b
nhà thờ công giáo Long Thắng	KX	xã Định Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 55"	105° 40' 35"					C-48-44-C-b
kênh Bông Súng	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 09"	105° 40' 36"	10° 10' 59"	105° 38' 09"	C-48-44-C-b
kênh Điền Tây trên	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 10' 35"	105° 39' 51"	10° 13' 54"	105° 42' 13"	C-48-44-C-b
kênh Giao Thông	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 42"	105° 40' 38"	10° 11' 18"	105° 42' 49"	C-48-44-C-b
kênh Phó Cửu	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 58"	105° 39' 12"	10° 13' 09"	105° 40' 36"	C-48-44-C-b
kênh Phó Cửu	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 58"	105° 39' 12"	10° 13' 09"	105° 40' 36"	C-48-44-C-b
rạch Bằng Lăng	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 11' 34"	105° 38' 44"	10° 10' 46"	105° 39' 41"	C-48-44-C-b
rạch Bụi Tre Rừng	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 16"	105° 39' 31"	10° 11' 54"	105° 40' 15"	C-48-44-C-b
rạch Lung Sen	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 24"	105° 40' 52"	10° 11' 19"	105° 40' 15"	C-48-44-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hậu	TV	xã Định Hòa	H. Lai Vung			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-44-C-b
ấp Long Bình	DC	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 14' 47"	105° 39' 27"					C-48-44-A-d
ấp Long Bửu	DC	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 16' 24"	105° 40' 30"					C-48-44-A-d
ấp Long Hội	DC	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 16' 14"	105° 40' 17"					C-48-44-A-d
ấp Long Phú	DC	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 16' 17"	105° 38' 36"					C-48-44-A-d
ấp Long Thành	DC	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 17' 25"	105° 40' 31"					C-48-44-A-d
Quốc lộ 80	KX	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 851	KX	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 17' 22"	105° 39' 29"	10° 15' 28"	105° 35' 29"	C-48-44-A-d
cầu Ban Biên	KX	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 17' 03"	105° 41' 07"					C-48-44-A-d
cầu Bảy Bổn	KX	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 17' 04"	105° 40' 51"					C-48-44-A-d
cầu Sáu Quốc	KX	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 17' 08"	105° 40' 26"					C-48-44-A-d
chùa Phước An	KX	xã Hòa Long	H. Lai Vung	10° 17' 13"	105° 39' 56"					C-48-44-A-d
Kênh 27 Tháng 7	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 16' 00"	105° 39' 15"	10° 15' 19"	105° 40' 14"	C-48-44-A-d
kênh Bún Tàu	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 15' 30"	105° 39' 36"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-C-b
kênh Hộ Bà Nương	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 17' 14"	105° 39' 28"	10° 15' 42"	105° 38' 11"	C-48-44-A-d
kênh Hộ Xã Đường	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 15' 33"	105° 38' 30"	10° 16' 35"	105° 39' 59"	C-48-44-a-d
kênh Họa Đồ	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 16' 41"	105° 44' 01"	10° 17' 13"	105° 39' 31"	C-48-44-A-d
kênh Hội Trụ	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 19' 25"	105° 43' 28"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
kênh Hội Trụ	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 19' 25"	105° 43' 28"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-A-d
kênh Mương Khai	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 15' 21"	105° 40' 08"	10° 16' 00"	105° 40' 30"	C-48-44-A-d
kênh Vành Đai	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 15' 32"	105° 38' 45"	10° 16' 32"	105° 40' 03"	C-48-44-A-d
rạch Cái Bàng	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 15' 51"	105° 40' 43"	10° 17' 13"	105° 39' 31"	C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Chanh	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 17' 09"	105° 39' 40"	C-48-44-A-d
rạch Ông Đội	TV	xã Hòa Long	H. Lai Vung			10° 16' 06"	105° 40' 05"	10° 16' 25"	105° 40' 08"	C-48-44-A-d
ấp Tân Bình	DC	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 17' 14"	105° 43' 03"					C-48-44-A-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 17' 28"	105° 43' 03"					C-48-44-A-d
ấp Tân Long	DC	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 16' 53"	105° 42' 35"					C-48-44-A-d
ấp Tân Thành	DC	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 18' 08"	105° 42' 27"					C-48-44-A-d
ấp Tân Thạnh	DC	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 19' 02"	105° 42' 24"					C-48-44-A-d
Quốc lộ 80	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d
cầu Bà Phủ	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 16' 49"	105° 43' 03"					C-48-44-A-d
cầu Ban Biên	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 17' 03"	105° 41' 07"					C-48-44-A-d
cầu Dương Hòa	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 16' 59"	105° 41' 39"					C-48-44-A-d
chùa Đức Hưng	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 18' 37"	105° 42' 35"					C-48-44-A-d
chùa Đức Quang	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 18' 58"	105° 42' 24"					C-48-44-A-d
đình Hòa Thành	KX	xã Hòa Thành	H. Lai Vung	10° 18' 20"	105° 42' 21"					C-48-44-A-d
kênh Cả Sao	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 17' 25"	105° 41' 24"	10° 17' 12"	105° 41' 07"	C-48-44-A-d
kênh Họa Đồ	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 16' 41"	105° 44' 01"	10° 17' 13"	105° 39' 31"	C-48-44-A-d
kênh Hội Trụ	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 19' 25"	105° 43' 28"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-A-d
kênh Mười Thước	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 18' 13"	105° 42' 26"	10° 16' 58"	105° 41' 39"	C-48-44-A-d
kênh Mương Gòn	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 18' 27"	105° 41' 37"	10° 18' 59"	105° 42' 24"	C-48-44-A-d
kênh Năm Thước	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 17' 36"	105° 41' 18"	10° 18' 32"	105° 41' 22"	C-48-44-A-d
kênh Ông Hộ	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 17' 08"	105° 43' 34"	10° 19' 23"	105° 43' 29"	C-48-44-A-d
kênh Tân Thành	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 18' 23"	105° 42' 24"	10° 18' 39"	105° 41' 01"	C-48-44-A-d
kênh Vành Đai	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 19' 24"	105° 42' 19"	10° 18' 20"	105° 42' 24"	C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Vành Đai	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 19' 43"	105° 42' 02"	10° 18' 52"	105° 42' 13"	C-48-44-A-d
kênh Xẻo Tre	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 16' 25"	105° 41' 11"	10° 16' 20"	105° 42' 29"	C-48-44-A-d
rạch Cái Cỏ	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 16' 53"	105° 43' 09"	10° 18' 03"	105° 42' 30"	C-48-44-A-d
rạch Cái Cỏ	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 18' 03"	105° 42' 30"	10° 19' 49"	105° 42' 03"	C-48-44-A-d
rạch Mương Ngay	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 18' 50"	105° 41' 28"	10° 19' 23"	105° 42' 13"	C-48-44-A-d
rạch Xẻo Gừa	TV	xã Hòa Thành	H. Lai Vung			10° 16' 48"	105° 43' 03"	10° 17' 33"	105° 43' 59"	C-48-44-A-d
ấp Long Hòa	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 17' 31"	105° 37' 48"					C-48-44-A-d
ấp Long Hưng 1	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 17' 24"	105° 36' 49"					C-48-44-A-c
ấp Long Hưng 2	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 18' 00"	105° 36' 38"					C-48-44-A-c
ấp Long Khánh	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 40"	105° 38' 01"					C-48-44-A-d
ấp Long Khánh A	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 13"	105° 36' 52"					C-48-44-A-c
ấp Long Khánh B	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 15' 49"	105° 37' 57"					C-48-44-A-d
ấp Long Thành	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 58"	105° 36' 44"					C-48-44-A-d
ấp Long Thành A	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 18' 30"	105° 38' 02"					C-48-44-A-d
ấp Long Thuận	DC	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 17' 11"	105° 37' 22"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 80	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 851	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 17' 22"	105° 39' 29"	10° 15' 28"	105° 35' 29"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 47"	105° 44' 39"	10° 16' 53"	105° 38' 30"	C-48-44-A-d
cầu Long Hậu	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 17' 35"	105° 38' 07"					C-48-44-A-d
cầu Phụ Thành	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 15' 59"	105° 36' 27"					C-48-44-A-c
cầu Si Mô Na	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 19' 18"	105° 38' 08"					C-48-44-A-d
cầu Thông Dong	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 09"	105° 36' 57"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Long Phước Tự	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 18"	105° 36' 41"					C-48-44-A-c
chùa Phật Giáo Tự	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 36"	105° 36' 40"					C-48-44-A-c
đình thần Long Hậu	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 17' 35"	105° 38' 05"					C-48-44-A-d
thánh thất họ đạo Long Hậu	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 13"	105° 37' 01"					C-48-44-A-c
tịnh xá Ngọc Huệ	KX	xã Long Hậu	H. Lai Vung	10° 16' 58"	105° 37' 27"					C-48-44-A-c
Kênh 30 Tháng 4	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 16' 49"	105° 38' 23"	10° 15' 53"	105° 37' 46"	C-48-44-A-d
kênh Cái Tắc	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 17' 34"	105° 37' 54"	10° 19' 54"	105° 38' 16"	C-48-44-A-d
rạch Bà Đài	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 23"	105° 37' 23"	10° 17' 13"	105° 37' 12"	C-48-44-A-d
rạch Bà Hẹ	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 16' 31"	105° 37' 34"	10° 17' 11"	105° 37' 11"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
rạch Bà Phụng	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 16' 38"	105° 37' 50"	10° 17' 14"	105° 37' 30"	C-48-44-A-d
rạch Cái Bần dưới	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 14' 07"	105° 36' 28"	10° 15' 42"	105° 38' 11"	C-48-44-A-d
rạch Cái Sơn	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 18"	105° 38' 58"	10° 17' 43"	105° 38' 24"	C-48-44-A-d
rạch Cán Cờ	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 07"	105° 36' 34"	10° 17' 18"	105° 36' 52"	C-48-44-A-d
rạch Cây Bần	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 15' 42"	105° 38' 11"	10° 16' 01"	105° 38' 20"	C-48-44-A-d
Rạch Chùa	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 56"	105° 35' 16"	10° 18' 33"	105° 38' 00"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
rạch Gia Vàm	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 16' 32"	105° 37' 40"	10° 15' 58"	105° 37' 31"	C-48-44-A-d
Rạch Giông	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 29"	105° 38' 32"	10° 17' 56"	105° 38' 40"	C-48-44-A-d
rạch Lò Rèn	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 15' 17"	105° 37' 43"	10° 15' 48"	105° 37' 56"	C-48-44-A-d
rạch Long Hậu	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 17' 43"	105° 38' 24"	10° 16' 56"	105° 36' 39"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ông Đình	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 07"	105° 37' 37"	10° 17' 47"	105° 37' 52"	C-48-44-A-d
rạch Ông Xác	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 20"	105° 37' 35"	10° 18' 04"	105° 37' 53"	C-48-44-A-d
rạch Tắc Cây Me	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 15' 42"	105° 38' 11"	10° 16' 23"	105° 36' 03"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
rạch Tư Dĩnh	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 16' 31"	105° 38' 01"	10° 15' 56"	105° 37' 37"	C-48-44-A-d
rạch Tư Vệ	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 16' 31"	105° 38' 01"	10° 15' 54"	105° 37' 42"	C-48-44-A-d
rạch Vành Đai trên	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 33"	105° 37' 58"	10° 18' 04"	105° 36' 37"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
rạch Xẻo Núi	TV	xã Long Hậu	H. Lai Vung			10° 18' 28"	105° 38' 17"	10° 19' 45"	105° 38' 37"	C-48-44-A-d
ấp Hòa Bình	DC	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 24"	105° 42' 25"					C-48-44-A-d
ấp Hòa Ninh	DC	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 28"	105° 41' 17"					C-48-44-A-d
ấp Long An	DC	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 14' 42"	105° 41' 07"					C-48-44-C-b
ấp Long Định	DC	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 35"	105° 40' 43"					C-48-44-A-d
ấp Thành Tấn	DC	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 13' 56"	105° 42' 16"					C-48-44-C-b
chùa Bửu Phước	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 41"	105° 40' 44"					C-48-44-A-d
chùa Long Hòa	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 25"	105° 41' 53"					C-48-44-A-d
chùa Nam Thiện Phật	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 14' 59"	105° 41' 17"					C-48-44-A-d
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Bửu Hưng	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 16' 04"	105° 41' 01"					C-48-44-A-d
đình Long Thắng	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 14' 56"	105° 40' 33"					C-48-44-A-d
đình Nhơn Hòa	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 26"	105° 41' 14"					C-48-44-A-d
thánh thất họ đạo Long Thắng	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 25"	105° 42' 06"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thánh tịnh Long Vân	KX	xã Long Thắng	H. Lai Vung	10° 15' 33"	105° 40' 41"					C-48-44-A-d
kênh Bà Lớn	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 13' 39"	105° 42' 24"	10° 13' 05"	105° 40' 37"	C-48-44-C-b
kênh Bông Súng	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 13' 09"	105° 40' 36"	10° 10' 59"	105° 38' 09"	C-48-44-C-b
kênh Cái Cao	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 14' 26"	105° 40' 18"	10° 14' 37"	105° 41' 06"	C-48-44-C-b
kênh Cái Cát	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 16' 02"	105° 42' 12"	10° 16' 08"	105° 41' 03"	C-48-44-A-d
kênh Cái Mít	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 12' 53"	105° 37' 06"	10° 13' 32"	105° 40' 31"	C-48-44-C-b
kênh Cây Trâm	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 14' 10"	105° 43' 29"	10° 13' 32"	105° 40' 31"	C-48-44-C-b
Kênh Cùng	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 25"	105° 41' 33"	10° 16' 41"	105° 44' 01"	C-48-44-A-d
kênh Điền Tây dưới	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 10' 41"	105° 40' 57"	10° 13' 34"	105° 42' 28"	C-48-44-C-b
kênh Điền Tây trên	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 10' 35"	105° 39' 51"	10° 13' 54"	105° 42' 13"	C-48-44-C-b
kênh Hội Trụ	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 19' 25"	105° 43' 28"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
kênh Long Thắng	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 25"	105° 41' 33"	10° 14' 37"	105° 41' 06"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
kênh Lung Cá Trê	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 13' 46"	105° 40' 38"	10° 14' 45"	105° 43' 10"	C-48-44-C-b
Kênh Nhỏ	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 13' 54"	105° 42' 13"	10° 15' 02"	105° 41' 21"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
kênh Nhơn Hòa	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 14' 37"	105° 41' 06"	10° 13' 34"	105° 40' 30"	C-48-44-C-b
kênh Pê Lê	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 18"	105° 43' 59"	10° 15' 25"	105° 41' 33"	C-48-44-A-d
Kênh Phèn	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 13' 48"	105° 41' 47"	10° 14' 37"	105° 41' 06"	C-48-44-C-b
kênh Rạch Gỗ	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 11' 54"	105° 40' 15"	10° 15' 51"	105° 40' 43"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
kênh Tầm Vu	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 16' 09"	105° 40' 59"	10° 09' 24"	105° 47' 58"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xẻo Nga	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 08"	105° 42' 27"	10° 15' 00"	105° 41' 46"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
kênh Xẻo Tre	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 16' 25"	105° 41' 11"	10° 16' 20"	105° 42' 29"	C-48-44-A-d
rạch Cây Trâm	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 19"	105° 43' 34"	10° 14' 45"	105° 43' 11"	C-48-44-C-b
rạch Lung Cái Cao	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 14' 23"	105° 40' 58"	10° 13' 51"	105° 41' 09"	C-48-44-C-b
rạch Xẻo Lá	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 04"	105° 39' 30"	10° 14' 54"	105° 40' 35"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
rạch Xẻo Nga	TV	xã Long Thắng	H. Lai Vung			10° 15' 00"	105° 41' 46"	10° 15' 18"	105° 41' 30"	C-48-44-A-d
ấp Tân An	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 44"	105° 40' 18"					C-48-44-C-b
ấp Tân Bình	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 34"	105° 41' 16"					C-48-44-C-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 23"	105° 42' 26"					C-48-44-C-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 54"	105° 40' 04"					C-48-44-C-b
ấp Tân Phong	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 42"	105° 41' 19"					C-48-44-C-b
ấp Tân Phú	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 28"	105° 40' 36"					C-48-44-C-b
ấp Tân Quới	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 08' 58"	105° 40' 41"					C-48-44-C-b
ấp Tân Thạnh	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 41"	105° 42' 42"					C-48-44-C-b
ấp Tân Thới	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 15"	105° 41' 48"					C-48-44-C-b
ấp Tân Thuận	DC	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 21"	105° 41' 47"					C-48-44-C-b
Quốc lộ 54	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-C-b
Đường tỉnh 853	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 17' 06"	105° 45' 59"	10° 09' 55"	105° 40' 55"	C-48-44-C-b
cầu Bằng Lăng	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 27"	105° 39' 55"					C-48-44-C-b
cầu Cống Đá	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 36"	105° 42' 42"					C-48-44-C-b
cầu Đòn Dông	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 00"	105° 41' 00"					C-48-44-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Giao Thông	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 43"	105° 42' 09"					C-48-44-C-b
cầu Kênh Lãi	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 08"	105° 40' 34"					C-48-44-C-b
cầu Mương Khai	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 59"	105° 40' 49"					C-48-44-C-b
cầu Ranh 26 Tháng 3	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 55"	105° 42' 52"					C-48-44-C-b
cầu Ranh Xã Hời	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 26"	105° 41' 34"					C-48-44-C-b
cầu Tư Tăng	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 06"	105° 41' 46"					C-48-44-C-b
chùa Khánh Hưng	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 24"	105° 41' 12"					C-48-44-C-b
chùa Kim Thinh	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 08"	105° 39' 52"					C-48-44-C-b
đình thần Phong Hòa	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 38"	105° 39' 41"					C-48-44-C-b
hội quán Hưng Hòa Tự	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 29"	105° 39' 42"					C-48-44-C-b
miếu Thần Nông	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 08' 38"	105° 40' 51"					C-48-44-C-b
nhà thờ công giáo Phong Hòa	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 32"	105° 41' 09"					C-48-44-C-b
thánh thất họ đạo Phong Hòa	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 09' 51"	105° 40' 41"					C-48-44-C-b
tịnh thất Hồng Đức	KX	xã Phong Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 16"	105° 43' 12"					C-48-44-C-b
Kênh 26 Tháng 3	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 57"	105° 42' 49"	10° 12' 22"	105° 43' 33"	C-48-44-C-b
kênh Điền Tây dưới	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 10' 41"	105° 40' 57"	10° 13' 34"	105° 42' 28"	C-48-44-C-b
kênh Điền Tây trên	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 10' 35"	105° 39' 51"	10° 13' 54"	105° 42' 13"	C-48-44-C-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 50"	105° 41' 20"	10° 12' 39"	105° 43' 12"	C-48-44-C-b
kênh Giao Thông	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 42"	105° 40' 38"	10° 11' 18"	105° 42' 49"	C-48-44-C-b
Kênh Mới	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 10' 33"	105° 41' 20"	10° 09' 59"	105° 40' 19"	C-48-44-C-b
kênh Mương Khai	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 50"	105° 40' 42"	10° 15' 18"	105° 43' 59"	C-48-44-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xã Hời	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 39"	105° 44' 28"	10° 08' 33"	105° 40' 59"	C-48-44-C-b
Rạch Các	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 17"	105° 39' 45"	10° 08' 39"	105° 40' 52"	C-48-44-C-b
rạch Mương Khai	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 59"	105° 40' 19"	10° 09' 28"	105° 39' 32"	C-48-44-C-b
rạch Thông Lu	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 20"	105° 41' 29"	10° 09' 59"	105° 40' 19"	C-48-44-C-b
rạch Xép Lớn	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 31"	105° 39' 40"	10° 08' 33"	105° 40' 59"	C-48-44-C-b
Sông Hậu	TV	xã Phong Hòa	H. Lai Vung			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-44-C-b
ấp Hậu Thành	DC	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 18' 34"	105° 40' 55"					C-48-44-A-d
ấp Tân Lộc A	DC	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 31"	105° 41' 44"					C-48-44-A-d
ấp Tân Lộc B	DC	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 44"	105° 41' 30"					C-48-44-A-d
ấp Tân Thuận A	DC	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 45"	105° 42' 38"					C-48-44-A-d
ấp Tân Thuận B	DC	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 20' 08"	105° 41' 46"					C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 47"	105° 44' 39"	10° 16' 53"	105° 38' 30"	C-48-44-A-d
cầu Ông Phó	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 56"	105° 41' 11"					C-48-44-A-d
cầu Rạch Chùa	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 47"	105° 41' 47"					C-48-44-A-d
cầu Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 44"	105° 42' 08"					C-48-44-A-d
cầu Xẻo Tre	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 50"	105° 41' 29"					C-48-44-A-d
chùa Đức Long	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 50"	105° 41' 49"					C-48-44-A-d
di tích lịch sử Đình Tân Dương	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 19' 48"	105° 42' 00"					C-48-44-A-d
đình Hậu Thành	KX	xã Tân Dương	H. Lai Vung	10° 18' 03"	105° 39' 54"					C-48-44-A-d
Kênh 19 Tháng 5	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 21' 20"	105° 42' 10"	10° 20' 06"	105° 43' 00"	C-48-44-A-d
kênh Cò Ninh	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 19' 02"	105° 41' 08"	10° 18' 53"	105° 41' 29"	C-48-44-A-d
kênh Năm Thước	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 17' 36"	105° 41' 18"	10° 18' 32"	105° 41' 22"	C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tân Thành	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 23"	105° 42' 24"	10° 18' 39"	105° 41' 01"	C-48-44-A-d
kênh Vành Đai	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 19' 43"	105° 42' 02"	10° 18' 52"	105° 42' 13"	C-48-44-A-d
rạch Ba Dinh	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 17' 23"	105° 39' 20"	10° 18' 54"	105° 41' 04"	C-48-44-A-d
rạch Bằng Lăng	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 17' 38"	105° 41' 14"	10° 18' 24"	105° 40' 39"	C-48-44-A-d
rạch Cái Cỏ	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 03"	105° 42' 30"	10° 19' 49"	105° 42' 03"	C-48-44-A-d
rạch Cái Sơn	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 20' 06"	105° 43' 00"	10° 19' 21"	105° 42' 49"	C-48-44-A-d
rạch Cây Vông	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 54"	105° 41' 04"	10° 19' 10"	105° 41' 35"	C-48-44-A-d
Rạch Chùa	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 32"	105° 41' 22"	10° 19' 51"	105° 41' 48"	C-48-44-A-d
rạch Mương Ngay	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 50"	105° 41' 28"	10° 19' 23"	105° 42' 13"	C-48-44-A-d
rạch Vàm Đinh	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 18' 54"	105° 41' 04"	10° 19' 41"	105° 39' 40"	C-48-44-A-d
rạch Xẻo Cạn	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 17' 40"	105° 41' 04"	10° 18' 38"	105° 41' 01"	C-48-44-A-d
rạch Xẻo Tre	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 19' 14"	105° 41' 15"	10° 19' 43"	105° 41' 28"	C-48-44-A-d
sông Sa Đéc	TV	xã Tân Dương	H. Lai Vung			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-A-d
ấp Hòa Bình	DC	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 24"	105° 38' 01"					C-48-44-C-b
ấp Hòa Định	DC	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 45"	105° 37' 29"					C-48-44-C-a
ấp Hòa Tân	DC	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 30"	105° 37' 30"					C-48-44-C-a
ấp Tân Mỹ	DC	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 13' 16"	105° 38' 31"					C-48-44-C-b
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 39"	105° 38' 43"					C-48-44-C-b
Quốc lộ 54	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
cầu Bông Súng	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 12"	105° 38' 21"					C-48-44-C-b
cầu Cái Dứa	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 29"	105° 37' 49"					C-48-44-C-b
cầu Cái Mít	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 55"	105° 37' 28"					C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ông Tín	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 12' 33"	105° 37' 28"					C-48-44-C-a
cầu Rạch Bàu	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 10' 59"	105° 38' 38"					C-48-44-C-b
chùa Khánh Hưng	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 42"	105° 38' 41"					C-48-44-C-b
thánh thất họ đạo Tân Hòa	KX	xã Tân Hòa	H. Lai Vung	10° 11' 26"	105° 37' 47"					C-48-44-C-b
Kênh Am	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 39"	105° 38' 44"	10° 12' 37"	105° 38' 06"	C-48-44-C-b
kênh Ba Đáng	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 16"	105° 39' 18"	10° 12' 25"	105° 39' 41"	C-48-44-C-b
kênh Bờ Đĩa dưới	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 37"	105° 39' 06"	10° 12' 06"	105° 38' 21"	C-48-44-C-b
kênh Bờ Đĩa trên	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 45"	105° 39' 03"	10° 12' 06"	105° 38' 21"	C-48-44-C-b
kênh Bông Súng	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 09"	105° 40' 36"	10° 10' 59"	105° 38' 09"	C-48-44-C-b
kênh Cái Mít	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 53"	105° 37' 06"	10° 13' 32"	105° 40' 31"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
Kênh Cũ	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 22"	105° 39' 47"	10° 13' 03"	105° 38' 19"	C-48-44-C-b
Kênh Mới	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 15' 30"	105° 39' 36"	10° 13' 03"	105° 38' 19"	C-48-44-C-b
Kênh Mới	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 15' 19"	105° 40' 14"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-C-b
kênh Ông Chờ	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 14"	105° 39' 09"	10° 12' 19"	105° 39' 34"	C-48-44-C-b
kênh Thầy Phó	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 11"	105° 38' 58"	10° 12' 29"	105° 39' 09"	C-48-44-C-b
rạch Ả Rặt	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 38"	105° 38' 24"	10° 12' 48"	105° 37' 45"	C-48-44-C-b
rạch Bằng Lăng	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 11' 34"	105° 38' 44"	10° 10' 46"	105° 39' 41"	C-48-44-C-b
rạch Cái Dứa	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 12' 06"	105° 38' 21"	10° 11' 26"	105° 37' 45"	C-48-44-C-b
rạch Cái Mít	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 13' 03"	105° 38' 19"	10° 12' 52"	105° 37' 09"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
Rạch Chùa	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 11' 43"	105° 38' 10"	10° 11' 34"	105° 38' 43"	C-48-44-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Củ Hũ	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 11' 56"	105° 38' 15"	10° 11' 28"	105° 37' 43"	C-48-44-C-b
Sông Hậu	TV	xã Tân Hòa	H. Lai Vung			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
ấp Tân Mỹ	DC	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 17' 08"	105° 36' 23"					C-48-44-A-c
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 17' 25"	105° 35' 52"					C-48-44-A-c
ấp Tân Quý	DC	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 17' 15"	105° 34' 36"					C-48-44-A-c
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 17' 54"	105° 35' 21"					C-48-44-A-c
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 18' 03"	105° 35' 17"					C-48-44-A-c
chùa Hưng Quang	KX	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 17' 14"	105° 34' 57"					C-48-44-A-c
đình thần Tân Phước	KX	xã Tân Phước	H. Lai Vung	10° 16' 50"	105° 36' 01"					C-48-44-A-c
Kênh Mới	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 19' 54"	105° 35' 13"	10° 17' 15"	105° 36' 12"	C-48-44-A-c
kênh ranh Lấp Vò - Lai Vung	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 19' 13"	105° 34' 28"	10° 18' 58"	105° 35' 39"	C-48-44-A-c
kênh ranh Tân Phước - Long Hậu	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 17' 07"	105° 36' 46"	10° 18' 58"	105° 35' 39"	C-48-44-A-c
Kênh Xáng	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 17' 10"	105° 34' 48"	10° 16' 31"	105° 34' 09"	C-48-44-A-c
rạch Cái Đôi	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 18' 33"	105° 34' 20"	10° 17' 04"	105° 33' 37"	C-48-44-A-c
Rạch Gia	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 17' 42"	105° 35' 22"	10° 17' 10"	105° 34' 49"	C-48-44-A-c
rạch Mương Khai	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 18' 51"	105° 34' 29"	10° 17' 31"	105° 35' 08"	C-48-44-A-c
rạch Xẻo Lò	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 17' 26"	105° 33' 48"	10° 16' 55"	105° 36' 02"	C-48-44-A-c
sông Lai Vung	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 16' 55"	105° 36' 02"	10° 15' 26"	105° 35' 12"	C-48-44-A-c
sông Tân Phú	TV	xã Tân Phước	H. Lai Vung			10° 17' 10"	105° 34' 49"	10° 16' 55"	105° 36' 02"	C-48-44-A-c
ấp Tân An	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 16' 24"	105° 35' 56"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 44"	105° 35' 05"					C-48-44-A-c
ấp Tân Định	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 16' 36"	105° 34' 20"					C-48-44-A-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 26"	105° 36' 55"					C-48-44-A-c
ấp Tân Khánh	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 44"	105° 35' 30"					C-48-44-A-c
ấp Tân Lộc	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 05"	105° 36' 29"					C-48-44-A-c
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 20"	105° 35' 23"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 54	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-A-c
Đường tỉnh 851	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 17' 22"	105° 39' 29"	10° 15' 28"	105° 35' 29"	C-48-44-A-c
cầu Bờ Đập	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 16' 14"	105° 34' 34"					C-48-44-A-c
cầu Cái Đôi	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 17' 11"	105° 33' 34"					C-48-44-A-c
cầu Cái Sơn	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 14' 44"	105° 36' 20"					C-48-44-C-a
cầu Kênh Xáng	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 16' 33"	105° 34' 11"					C-48-44-A-c
cầu Lai Vung	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 42"	105° 35' 23"					C-48-44-C-a
cầu Phụ Thành	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 59"	105° 36' 27"					C-48-44-A-c
chùa Hội Phước	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 37"	105° 35' 01"					C-48-44-A-c
chùa Phương Trì	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 16' 18"	105° 35' 24"					C-48-44-A-c
đình Tân Thành	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 31"	105° 35' 09"					C-48-44-A-c
Khu công nghiệp Sông Hậu	KX	xã Tân Thành	H. Lai Vung	10° 15' 12"	105° 35' 31"					C-48-44-A-c
kênh Ông Phật	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 14' 51"	105° 37' 31"	10° 15' 39"	105° 36' 27"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a C-48-44-C-b
Kênh Xáng	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 17' 10"	105° 34' 48"	10° 16' 31"	105° 34' 09"	C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Bần trên	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 14' 51"	105° 37' 31"	10° 14' 05"	105° 36' 26"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
rạch Cái Đôi	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 18' 33"	105° 34' 20"	10° 17' 04"	105° 33' 37"	C-48-44-A-c
rạch Cái Sơn	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 15' 15"	105° 36' 33"	10° 14' 34"	105° 36' 04"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
rạch Phụ Thành	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 16' 12"	105° 36' 22"	10° 15' 15"	105° 36' 33"	C-48-44-A-c
rạch Tắc Cây Me	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 15' 42"	105° 38' 11"	10° 16' 23"	105° 36' 03"	C-48-44-A-c
rạch Xẻo Lò	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 17' 10"	105° 34' 48"	10° 17' 26"	105° 33' 48"	C-48-44-A-c
Sông Hậu	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
sông Lai Vung	TV	xã Tân Thành	H. Lai Vung			10° 16' 55"	105° 36' 02"	10° 15' 26"	105° 35' 12"	C-48-44-A-c
ấp Hòa Định	DC	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 13' 08"	105° 37' 04"					C-48-44-C-a
ấp Hòa Khánh	DC	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 01"	105° 36' 41"					C-48-44-C-a
ấp Thới Hòa	DC	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 08"	105° 37' 29"					C-48-44-C-b
ấp Thới Mỹ 1	DC	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 15' 23"	105° 38' 33"					C-48-44-A-d
ấp Thới Mỹ 2	DC	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 13"	105° 38' 22"					C-48-44-C-b
Quốc lộ 54	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-C-a
cầu Cái Bần dưới	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 01"	105° 36' 43"					C-48-44-C-a
cầu Cái Bần trên	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 13"	105° 36' 37"					C-48-44-C-a
cầu Cái Mít	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 12' 55"	105° 37' 28"					C-48-44-C-a
cầu Cái Quýt	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 13' 41"	105° 36' 56"					C-48-44-C-a
cầu Cái Sơn	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 44"	105° 36' 20"					C-48-44-C-a
chùa Thiên Hòa	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 12' 59"	105° 37' 17"					C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thiên Phước	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 14' 20"	105° 37' 24"					C-48-44-C-a
đình Vĩnh Thới - Tân Hòa	KX	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung	10° 12' 54"	105° 37' 09"					C-48-44-C-a
kênh Bún Tàu	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 15' 30"	105° 39' 36"	10° 14' 11"	105° 39' 15"	C-48-44-C-b
kênh Cái Mít	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 12' 53"	105° 37' 06"	10° 13' 32"	105° 40' 31"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
kênh Hộ Xã Đường	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 15' 33"	105° 38' 30"	10° 16' 35"	105° 39' 59"	C-48-44-A-d
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 14' 17"	105° 39' 20"	10° 13' 03"	105° 38' 19"	C-48-44-C-b
rạch Cái Bần dưới	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 14' 07"	105° 36' 28"	10° 15' 42"	105° 38' 11"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
rạch Cái Bần trên	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 14' 51"	105° 37' 31"	10° 14' 05"	105° 36' 26"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
rạch Cái Mít	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 15' 42"	105° 38' 11"	10° 13' 35"	105° 38' 01"	C-48-44-C-b C-48-44-A-d
rạch Cái Quýt	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 14' 43"	105° 38' 19"	10° 13' 32"	105° 36' 45"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 15' 15"	105° 36' 33"	10° 14' 34"	105° 36' 04"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
rạch Cây Bần	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 15' 42"	105° 38' 11"	10° 16' 01"	105° 38' 20"	C-48-44-A-d
rạch Mương Khai	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 14' 04"	105° 37' 18"	10° 13' 16"	105° 37' 55"	C-48-44-C-a C-48-44-C-b
rạch Nước trong	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 13' 15"	105° 37' 15"	10° 13' 07"	105° 36' 59"	C-48-44-C-a
Sông Hậu	TV	xã Vĩnh Thới	H. Lai Vung			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-44-C-a
khóm Bình Hòa	DC	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 17"	105° 31' 01"					C-48-44-A-c
khóm Bình Phú Quới	DC	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 38"	105° 31' 53"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Bình Thạnh 1	DC	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 37"	105° 31' 15"					C-48-44-A-c
khóm Bình Thạnh 2	DC	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 20"	105° 30' 08"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 80	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-c
cầu Lấp Vò	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 49"	105° 31' 28"					C-48-44-A-c
chợ Lấp Vò	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 46"	105° 31' 13"					C-48-44-A-c
chùa An Lạc	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 46"	105° 31' 32"					C-48-44-A-c
chùa Bửu Minh	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 46"	105° 31' 21"					C-48-44-A-c
chùa Kiều Đàm	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 40"	105° 31' 46"					C-48-44-A-c
chùa Linh Thứu	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 22"	105° 30' 21"					C-48-44-A-c
chùa Long Phú	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 44"	105° 31' 15"					C-48-44-A-c
đình Bình Thành	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 49"	105° 31' 09"					C-48-44-A-c
đình Cựu Tân Bình Đông	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 48"	105° 31' 29"					C-48-44-A-c
Đường 3 tháng 2	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò			10° 21' 49"	105° 31' 28"	10° 21' 41"	105° 30' 59"	C-48-44-A-c
hội quán Hưng Bình Tự	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 48"	105° 31' 30"					C-48-44-A-c
nhà thờ công giáo Lấp Vò	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 51"	105° 31' 23"					C-48-44-A-c
thánh thất họ đạo Lấp Vò	KX	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò	10° 21' 36"	105° 32' 08"					C-48-44-A-c
kênh xáng Lấp Vò	TV	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò			10° 20' 18"	105° 29' 20"	10° 19' 55"	105° 38' 16"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
rạch Cái Dâu	TV	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò			10° 21' 09"	105° 31' 08"	10° 21' 46"	105° 30' 46"	C-48-44-A-c
rạch Cái Nính	TV	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò			10° 21' 16"	105° 32' 11"	10° 20' 32"	105° 32' 53"	C-48-44-A-c
rạch Lấp Vò	TV	TT. Lấp Vò	H. Lấp Vò			10° 20' 32"	105° 32' 53"	10° 21' 50"	105° 31' 28"	C-48-44-A-c
ấp An Thạnh	DC	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 23"	105° 29' 57"					C-48-43-B-d
ấp Bình An	DC	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 35"	105° 29' 39"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 21' 10"	105° 32' 18"					C-48-44-A-c
ấp Bình Lợi	DC	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 49"	105° 29' 32"					C-48-43-B-d
ấp Bình Phú Quới	DC	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 21' 01"	105° 34' 13"					C-48-44-A-c
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 41"	105° 35' 24"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 54	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-A-c
Quốc lộ 80	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
cầu Chín Ngươn	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 54"	105° 34' 43"					C-48-44-A-c
cầu Hòa Lạc	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 03"	105° 30' 24"					C-48-44-A-c
cầu Nhà Kho	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 27"	105° 29' 58"					C-48-44-A-c
cầu Phú Diệp A	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 34"	105° 35' 55"					C-48-44-A-c
cầu Phú Diệp B	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 21' 11"	105° 33' 45"					C-48-44-A-c
cầu Rạch Mắm	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 31"	105° 29' 40"					C-48-43-B-d
chùa Linh Sơn	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 58"	105° 29' 56"					C-48-43-B-d
chùa Phước Dinh	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 21' 27"	105° 32' 06"					C-48-44-A-c
chùa Phước Hội	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 46"	105° 31' 08"					C-48-44-A-c
chùa Phước Long	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 53"	105° 32' 12"					C-48-44-A-c
chùa Quang Minh	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 14"	105° 30' 18"					C-48-44-A-c
chùa Thanh Quang	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 30"	105° 30' 32"					C-48-44-A-c
chùa Thiền Tân	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 59"	105° 34' 15"					C-48-44-A-c
bến phà Vàm Cống	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 05"	105° 29' 12"					C-48-43-B-d
thánh thất họ đạo Bình Thành	KX	xã Bình Thành	H. Lấp Vò	10° 20' 20"	105° 30' 08"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 19 Tháng 5	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 20' 20"	105° 35' 37"	10° 20' 14"	105° 34' 02"	C-48-44-A-c
kênh ranh 91	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 20' 32"	105° 32' 53"	10° 19' 30"	105° 34' 39"	C-48-44-A-c
kênh xáng Lấp Vò	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 20' 18"	105° 29' 20"	10° 19' 55"	105° 38' 16"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
rạch Cái Dâu	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 21' 09"	105° 31' 08"	10° 21' 46"	105° 30' 46"	C-48-44-A-c
rạch Cái Nính	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 21' 16"	105° 32' 11"	10° 20' 32"	105° 32' 53"	C-48-44-A-c
rạch Lấp Vò	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 20' 32"	105° 32' 53"	10° 21' 50"	105° 31' 28"	C-48-44-A-c
sông Cái Dầu	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 18' 08"	105° 32' 02"	10° 20' 29"	105° 29' 26"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
Sông Hậu	TV	xã Bình Thành	H. Lấp Vò			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-43-B-d
ấp Bình Hiệp A	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 11"	105° 31' 14"					C-48-44-A-c
ấp Bình Hiệp B	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 21' 52"	105° 31' 36"					C-48-44-A-c
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 07"	105° 34' 23"					C-48-44-A-c
ấp Bình Thạnh	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 37"	105° 33' 36"					C-48-44-A-a
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 32"	105° 33' 53"					C-48-44-A-a
ấp Tân An	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 21' 16"	105° 34' 39"					C-48-44-A-c
ấp Tân Thạnh	DC	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 21' 24"	105° 35' 41"					C-48-44-A-c
Đường tỉnh 852B	KX	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 22' 07"	105° 31' 26"	10° 20' 27"	105° 36' 57"	C-48-44-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện Lấp Vò	KX	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 16"	105° 31' 18"					C-48-44-A-c
cầu Gia Vàm - Lung Độn	KX	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 02"	105° 34' 42"					C-48-44-A-a
chùa Tân Phước	KX	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 24"	105° 32' 14"					C-48-44-A-c
đình Bình Thạnh Trung	KX	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 56"	105° 32' 45"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-c
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 23' 02"	105° 34' 42"	10° 21' 21"	105° 33' 17"	C-48-44-A-c
kênh Gia Vàm - Lung Độn	TV	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 24' 13"	105° 34' 02"	10° 21' 21"	105° 35' 52"	C-48-44-A-a C-48-44-A-c
kênh xáng Lấp Vò	TV	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 20' 18"	105° 29' 20"	10° 19' 55"	105° 38' 16"	C-48-44-A-c
rạch Cái Tàu Thượng	TV	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 23' 43"	105° 31' 25"	10° 26' 03"	105° 33' 05"	C-48-44-A-c
rạch Tân Bình	TV	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 21' 10"	105° 36' 11"	10° 21' 54"	105° 31' 17"	C-48-44-A-c
rạch xáng Nhỏ	TV	xã Bình Thạnh Trung	H. Lấp Vò			10° 22' 52"	105° 32' 24"	10° 20' 34"	105° 36' 57"	C-48-44-A-a C-48-44-A-c
ấp An Hòa	DC	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 55"	105° 30' 26"					C-48-44-A-c
ấp An Lạc	DC	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 55"	105° 31' 24"					C-48-44-A-c
ấp An Ninh	DC	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 29"	105° 31' 09"					C-48-44-A-c
ấp An Phong	DC	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 01"	105° 31' 47"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 54	KX	xã Định An	H. Lấp Vò			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-A-c
cầu Bà Đội	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 18' 48"	105° 31' 53"					C-48-44-A-c
cầu Dầu Bé	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 17"	105° 31' 32"					C-48-44-A-c
cầu Hòa Lạc	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 20' 03"	105° 30' 24"					C-48-44-A-c
cầu Vàm Cống	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 03"	105° 30' 10"					C-48-44-A-c
cầu Xép Bà Vại	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 34"	105° 31' 11"					C-48-44-A-c
chùa Bửu Sơn	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 51"	105° 31' 29"					C-48-44-A-c
chùa Phước Thạnh	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 20' 03"	105° 30' 14"					C-48-44-A-c
chùa Túy Trúc	KX	xã Định An	H. Lấp Vò	10° 19' 14"	105° 31' 22"					C-48-44-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Định An	H. Lấp Vò			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Đội	TV	xã Định An	H. Lấp Vò			10° 18' 48"	105° 31' 52"	10° 19' 44"	105° 33' 24"	C-48-44-A-c
sông Cái Dầu	TV	xã Định An	H. Lấp Vò			10° 18' 08"	105° 32' 02"	10° 20' 29"	105° 29' 26"	C-48-44-A-c
Sông Hậu	TV	xã Định An	H. Lấp Vò			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
ấp An Bình	DC	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 17' 35"	105° 33' 03"					C-48-44-A-c
ấp An Khương	DC	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 24"	105° 32' 38"					C-48-44-A-c
ấp An Lợi A	DC	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 19' 29"	105° 33' 28"					C-48-44-A-c
ấp An Lợi B	DC	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 42"	105° 32' 22"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 54	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 09' 26"	105° 41' 34"	10° 20' 33"	105° 29' 40"	C-48-44-A-c
cầu Bà Đội	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 48"	105° 31' 53"					C-48-44-A-c
cầu Cái Đôi	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 17' 11"	105° 33' 34"					C-48-44-A-c
cầu Định Yên	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 33"	105° 32' 05"					C-48-44-A-c
cầu Kênh Xáng	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 17' 25"	105° 33' 12"					C-48-44-A-c
cầu Rạch Mác	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 17' 55"	105° 32' 37"					C-48-44-A-c
cầu Rạch Ván	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 16"	105° 32' 18"					C-48-44-A-c
cầu Tầm Quờn	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 17' 33"	105° 33' 02"					C-48-44-A-c
chùa An Khánh	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 39"	105° 33' 43"					C-48-44-A-c
chùa An Phước	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 32"	105° 32' 10"					C-48-44-A-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Định Yên	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 37"	105° 32' 26"					C-48-44-A-c
tịnh xá Ngọc Chiếu	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 18' 36"	105° 32' 58"					C-48-44-A-c
tịnh xá Ngọc Hòa	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 19' 08"	105° 32' 55"					C-48-44-A-c
tịnh xá Ngọc Phước	KX	xã Định Yên	H. Lấp Vò	10° 19' 03"	105° 32' 44"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh ranh 91	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 20' 32"	105° 32' 53"	10° 19' 30"	105° 34' 39"	C-48-44-A-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 19' 32"	105° 33' 26"	10° 20' 32"	105° 32' 53"	C-48-44-A-c
kênh Ông Phủ	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 17' 24"	105° 33' 11"	10° 19' 12"	105° 34' 19"	C-48-44-A-c
kênh Thủ Sự	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 20' 06"	105° 34' 08"	10° 19' 32"	105° 33' 26"	C-48-44-A-c
rạch Bà Đội	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 18' 48"	105° 31' 52"	10° 19' 44"	105° 33' 24"	C-48-44-A-c
rạch Cái Đôi	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 18' 33"	105° 34' 20"	10° 17' 04"	105° 33' 37"	C-48-44-A-c
rạch Ngã Cạy	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 19' 32"	105° 33' 26"	10° 18' 35"	105° 32' 00"	C-48-44-A-c
sông Cái Dầu	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 18' 08"	105° 32' 02"	10° 20' 29"	105° 29' 26"	C-48-44-A-c
Sông Hậu	TV	xã Định Yên	H. Lấp Vò			10° 20' 08"	105° 29' 09"	10° 08' 06"	105° 40' 51"	C-48-44-A-c
ấp An Bình	DC	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 23' 36"	105° 31' 30"					C-48-44-A-a
ấp An Phú	DC	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 09"	105° 33' 19"					C-48-44-A-a
ấp An Quới	DC	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 25' 08"	105° 33' 07"					C-48-44-A-a
ấp An Thạnh	DC	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 48"	105° 32' 29"					C-48-44-A-a
cầu Mương Kinh	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 04"	105° 31' 41"					C-48-44-A-a
chùa Huyền Giác	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 44"	105° 32' 28"					C-48-44-A-a
chùa Long Phước	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 59"	105° 33' 16"					C-48-44-A-a
chùa Phổ Chiếu	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 25' 28"	105° 32' 50"					C-48-44-A-a
chùa Thiên Phước	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 22' 39"	105° 31' 41"					C-48-44-A-a
đình thần Hội An Đông	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 02"	105° 31' 37"					C-48-44-A-a
thánh thất họ đạo Hội An Đông	KX	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò	10° 24' 48"	105° 32' 32"					C-48-44-A-a
kênh Gia Vàm - Lung Độn	TV	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò			10° 24' 13"	105° 34' 02"	10° 21' 21"	105° 35' 52"	C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Tàu Thượng	TV	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò			10° 23' 43"	105° 31' 25"	10° 26' 03"	105° 33' 05"	C-48-44-A-a
rạch Cái Tàu Thượng	TV	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò			10° 23' 43"	105° 31' 25"	10° 26' 03"	105° 33' 05"	C-48-44-A-a C-48-44-A-c
rạch Mương Chùa	TV	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò			10° 24' 13"	105° 34' 02"	10° 24' 49"	105° 33' 25"	C-48-44-A-a
rạch Mương Kinh	TV	xã Hội An Đông	H. Lấp Vò			10° 24' 13"	105° 34' 02"	10° 24' 05"	105° 31' 40"	C-48-44-A-a
ấp Hưng Mỹ Đông	DC	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 21' 04"	105° 41' 03"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Mỹ Tây	DC	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 20' 45"	105° 40' 37"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Quới 1	DC	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 22' 22"	105° 39' 55"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Quới 2	DC	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 21' 22"	105° 40' 06"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Thành Tây	DC	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 20' 28"	105° 40' 44"					C-48-44-A-d
chùa U Minh	KX	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 20' 41"	105° 39' 45"					C-48-44-A-d
chùa Vạn Linh	KX	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 21' 56"	105° 40' 37"					C-48-44-A-d
Khu du lịch văn hóa Phương Nam	KX	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò	10° 21' 15"	105° 40' 13"					C-48-44-A-d
kênh Hùng Nổi	TV	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò			10° 22' 20"	105° 39' 10"	10° 21' 18"	105° 40' 03"	C-48-44-A-d
kênh Thầy Lâm	TV	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò			10° 20' 00"	105° 40' 06"	10° 24' 38"	105° 37' 24"	C-48-44-A-d
sông Nước Xoáy	TV	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò			10° 21' 59"	105° 40' 10"	10° 20' 43"	105° 40' 47"	C-48-44-A-d
sông Sa Đéc	TV	xã Long Hưng A	H. Lấp Vò			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-A-d
ấp Hưng Lợi Đông	DC	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 28"	105° 40' 24"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Lợi Tây	DC	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 11"	105° 39' 37"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Nhơn	DC	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 28"	105° 38' 14"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Thành Đông	DC	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 41"	105° 39' 11"					C-48-44-A-d
ấp Hưng Thạnh Đông	DC	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 25"	105° 39' 39"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hưng Thành Tây	DC	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 20' 27"	105° 39' 48"					C-48-44-A-d
Quốc lộ 80	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 47"	105° 44' 39"	10° 16' 53"	105° 38' 30"	C-48-44-A-d
cầu Ông Phó	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 56"	105° 41' 11"					C-48-44-A-d
cầu Si Mô Na	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 18"	105° 38' 08"					C-48-44-A-d
cầu Vàm Đinh	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 38"	105° 39' 40"					C-48-44-A-d
cầu Xẻo Núi	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 28"	105° 38' 39"					C-48-44-A-d
cầu Xẻo Quạ	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 29"	105° 39' 01"					C-48-44-A-d
chùa Long An	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 39"	105° 39' 27"					C-48-44-A-d
chùa Long Thiền	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 46"	105° 38' 14"					C-48-44-A-d
chùa Thanh Hoa	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 31"	105° 39' 32"					C-48-44-A-d
di tích lịch sử Tượng đài tưởng niệm vụ thảm sát ở Long Hưng B	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 29"	105° 39' 25"					C-48-44-A-d
đình Long Hưng	KX	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò	10° 19' 38"	105° 39' 29"					C-48-44-A-d
kênh Cái Tắc	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 17' 34"	105° 37' 54"	10° 19' 54"	105° 38' 16"	C-48-44-A-d
kênh Mương Trâu	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 19' 28"	105° 39' 36"	10° 19' 27"	105° 39' 14"	C-48-44-A-d
kênh Thầy Lâm	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 20' 00"	105° 40' 06"	10° 24' 38"	105° 37' 24"	C-48-44-A-d
kênh xáng Ba Dinh - Xẻo Núi	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 19' 02"	105° 38' 29"	10° 17' 27"	105° 39' 28"	C-48-44-A-d
rạch Cái Sơn	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 18"	105° 38' 58"	10° 17' 43"	105° 38' 24"	C-48-44-A-d
rạch Cây Vông	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 54"	105° 41' 04"	10° 19' 10"	105° 41' 35"	C-48-44-A-d
Rạch Chùa	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 18"	105° 38' 58"	10° 19' 30"	105° 39' 47"	C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cống Huỳnh Thuận	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 20' 02"	105° 40' 51"	10° 19' 18"	105° 40' 15"	C-48-44-A-d
rạch Huỳnh Thuận	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 32"	105° 39' 10"	10° 19' 14"	105° 40' 20"	C-48-44-A-d
rạch Nước Chảy	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 21' 39"	105° 38' 49"	10° 19' 47"	105° 38' 35"	C-48-44-A-d
rạch Thủ Ô	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 21' 47"	105° 39' 08"	10° 21' 23"	105° 38' 08"	C-48-44-A-d
rạch Tổng Điện	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 21' 28"	105° 38' 24"	10° 19' 52"	105° 39' 54"	C-48-44-A-d
rạch Vàm Đinh	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 54"	105° 41' 04"	10° 19' 41"	105° 39' 40"	C-48-44-A-d
rạch Xẻo Núi	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 18' 28"	105° 38' 17"	10° 19' 45"	105° 38' 37"	C-48-44-A-d
sông Sa Đéc	TV	xã Long Hưng B	H. Lấp Vò			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 16' 25"	105° 53' 20"	C-48-44-A-d
ấp An Bình	DC	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 23"	105° 33' 59"					C-48-44-A-a
ấp An Ninh	DC	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 25"	105° 33' 37"					C-48-44-A-a
ấp An Thái	DC	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 24' 53"	105° 34' 43"					C-48-44-A-a
ấp An Thuận	DC	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 23' 35"	105° 35' 04"					C-48-44-A-a
Đường tỉnh 848	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-a
cầu Cái Tàu Thượng	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 53"	105° 32' 59"					C-48-44-A-a
chùa An Long	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 41"	105° 33' 09"					C-48-44-A-a
đền thờ và khu mộ Tuyên Trung Hầu	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 53"	105° 33' 01"					C-48-44-A-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Đền thờ Phật Thầy Tây An	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 20"	105° 34' 12"					C-48-44-A-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Tòng Sơn	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 19"	105° 34' 11"					C-48-44-A-a
thánh thất Mỹ An Hưng A	KX	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò	10° 25' 33"	105° 33' 39"					C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Gia Vàm - Lung Độn	TV	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò			10° 24' 13"	105° 34' 02"	10° 21' 21"	105° 35' 52"	C-48-44-A-a
Mương Giữa	TV	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò			10° 24' 38"	105° 35' 29"	10° 24' 03"	105° 35' 20"	C-48-44-A-a
rạch Cái Tàu Thượng	TV	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò			10° 23' 43"	105° 31' 25"	10° 26' 03"	105° 33' 05"	C-48-44-A-a
rạch Ngã Tháp	TV	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò			10° 23' 03"	105° 34' 42"	10° 23' 58"	105° 35' 54"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Mỹ An Hưng A	H. Lấp Vò			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-a
ấp An Hòa	DC	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 05"	105° 36' 00"					C-48-44-A-a
ấp An Phú	DC	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 23' 01"	105° 38' 10"					C-48-44-A-b
ấp An Quới	DC	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 22' 43"	105° 36' 51"					C-48-44-A-a
ấp An Thạnh	DC	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 13"	105° 36' 44"					C-48-44-A-a
ấp An Thuận	DC	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 01"	105° 35' 39"					C-48-44-A-a
Đường tỉnh 848	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-a
cầu Đất Sét	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 23"	105° 36' 16"					C-48-44-A-a
cầu Gia Vàm - Lung Độn	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 23' 02"	105° 34' 42"					C-48-44-A-a
cầu Kênh Thầy Lâm	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 34"	105° 37' 26"					C-48-44-A-a
chùa Vạn Phước	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 23' 53"	105° 35' 50"					C-48-44-A-c
chùa Vạn Thành	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 08"	105° 36' 08"					C-48-44-A-c
di tích Nhà lưu niệm Bác Tôn Đức Thắng	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 24' 23"	105° 36' 01"					C-48-44-A-d
đình Mỹ An Hưng B	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 22' 52"	105° 36' 42"					C-48-44-A-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
thánh thất Mỹ An Hưng B	KX	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò	10° 23' 06"	105° 36' 20"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Gia Vàm - Lung Độn	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 24' 13"	105° 34' 02"	10° 21' 21"	105° 35' 52"	C-48-44-A-a C-48-44-A-c
kênh Lộ 849	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 24' 36"	105° 38' 35"	10° 20' 17"	105° 37' 04"	C-48-44-A-a
kênh Thầy Lâm	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 20' 00"	105° 40' 06"	10° 24' 38"	105° 37' 24"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b C-48-44-A-d
mương Ban Bìa	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 22' 29"	105° 35' 08"	10° 23' 58"	105° 35' 55"	C-48-44-A-a C-48-44-A-c
Mương Giữa	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 24' 38"	105° 35' 29"	10° 24' 03"	105° 35' 20"	C-48-44-A-a
rạch Đất Sét	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 22' 01"	105° 37' 26"	10° 24' 29"	105° 36' 15"	C-48-44-A-a
rạch Ngã Cạy	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 24' 21"	105° 37' 31"	10° 24' 21"	105° 36' 17"	C-48-44-A-a
rạch Ngã Tháp	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 23' 03"	105° 34' 42"	10° 23' 58"	105° 35' 54"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Mỹ An Hưng B	H. Lấp Vò			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-a
ấp Hưng Hòa	DC	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 46"	105° 41' 18"					C-48-44-A-b
ấp Khánh An	DC	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 46"	105° 42' 25"					C-48-44-A-b
ấp Khánh Mỹ A	DC	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 48"	105° 41' 38"					C-48-44-A-b
ấp Khánh Mỹ B	DC	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 06"	105° 40' 26"					C-48-44-A-b
ấp Khánh Nhơn	DC	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 20"	105° 42' 19"					C-48-44-A-b
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 25"	105° 41' 56"					C-48-44-A-b
Đường tỉnh 848	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-b
cầu Mương Điều	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 50"	105° 42' 22"					C-48-44-A-b
cầu Rạch Chùa	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 56"	105° 40' 55"					C-48-44-A-b
cầu Rạch Xưởng	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 53"	105° 41' 17"					C-48-44-A-b
cầu Thủ Cũ	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 42"	105° 41' 41"					C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Địa Tạng	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 36"	105° 42' 35"					C-48-44-A-b
chùa Giác Nguyên	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 57"	105° 41' 40"					C-48-44-A-b
chùa Kim Huê	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 37"	105° 40' 51"					C-48-44-A-b
chùa Phước Long	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 59"	105° 40' 39"					C-48-44-A-b
chùa Phước Quang	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 21' 52"	105° 42' 23"					C-48-44-A-b
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Tân An Trung	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 23' 42"	105° 41' 38"					C-48-44-A-b
đình Long Khánh	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 58"	105° 40' 42"					C-48-44-A-b
đình Tân Khánh Tây	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 47"	105° 41' 56"					C-48-44-A-b
thánh thất họ đạo Tân Khánh Trung	KX	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò	10° 22' 40"	105° 42' 03"					C-48-44-A-b
khém Cồn Ông	TV	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò			10° 24' 22"	105° 40' 12"	10° 23' 50"	105° 41' 55"	C-48-44-A-b
Mương Điều	TV	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò			10° 22' 48"	105° 42' 02"	10° 22' 55"	105° 43' 01"	C-48-44-A-b
rạch Lòng Ông	TV	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò			10° 22' 11"	105° 42' 27"	10° 22' 48"	105° 42' 02"	C-48-44-A-b
Sông Tiền	TV	xã Tân Khánh Trung	H. Lấp Vò			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-b
ấp Tân Hòa Đông	DC	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 02"	105° 40' 24"					C-48-44-A-b
ấp Tân Hòa Thượng	DC	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 23' 41"	105° 39' 28"					C-48-44-A-b
ấp Tân Thuận A	DC	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 08"	105° 37' 39"					C-48-44-A-b
ấp Tân Thuận B	DC	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 22"	105° 38' 03"					C-48-44-A-b
ấp Tân Trong	DC	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 05"	105° 39' 02"					C-48-44-A-b
Đường tỉnh 848	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 16' 49"	105° 45' 20"	10° 25' 53"	105° 32' 59"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
Đường tỉnh 849	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 20' 09"	105° 37' 03"	10° 24' 36"	105° 38' 35"	C-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cai Châu	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 19"	105° 39' 33"					C-48-44-A-b
cầu Cao Lãnh	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 49"	105° 39' 00"					C-48-44-A-b
cầu Kênh Thầy Lâm	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 22' 28"	105° 38' 36"					C-48-44-A-d
cầu Kênh Thầy Lâm	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 34"	105° 37' 26"					C-48-44-A-a
cầu Ngã Cái	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 23' 13"	105° 38' 38"					C-48-44-A-b
cầu Rạch Chùa	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 23' 56"	105° 40' 55"					C-48-44-A-b
cầu Rạch Giông	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 03"	105° 40' 30"					C-48-44-A-b
chùa Giác Châu	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 26"	105° 39' 05"					C-48-44-A-b
đình Cai Châu	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 00"	105° 39' 21"					C-48-44-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
hội quán Hưng Mỹ Tự	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 05"	105° 40' 23"					C-48-44-A-b
bến phà Cao Lãnh	KX	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò	10° 24' 50"	105° 38' 33"					C-48-44-A-b
kênh Lộ 849	TV	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 24' 36"	105° 38' 35"	10° 20' 17"	105° 37' 04"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d
kênh Thầy Lâm	TV	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 20' 00"	105° 40' 06"	10° 24' 38"	105° 37' 24"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b C-48-44-A-d
khém Cồn Ông	TV	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 24' 22"	105° 40' 12"	10° 23' 50"	105° 41' 55"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d
rạch Đồn Điền	TV	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 22' 20"	105° 38' 42"	10° 23' 45"	105° 39' 27"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d
rạch Ngã Cái	TV	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 23' 12"	105° 38' 37"	10° 24' 28"	105° 39' 35"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	xã Tân Mỹ	H. Lấp Vò			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-44-A-a C-48-44-A-b
ấp Hòa Thuận	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 21' 34"	105° 37' 07"					C-48-44-A-c
ấp Nhơn Quới	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 21' 23"	105° 38' 10"					C-48-44-A-c
ấp Vĩnh Bình A	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 58"	105° 36' 42"					C-48-44-A-c
ấp Vĩnh Bình B	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 19"	105° 35' 16"					C-48-44-A-c
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 00"	105° 37' 58"					C-48-44-A-d
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 42"	105° 37' 51"					C-48-44-A-d
Quốc lộ 80	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 15' 45"	105° 52' 39"	10° 20' 09"	105° 29' 26"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
Đường tỉnh 849	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 20' 09"	105° 37' 03"	10° 24' 36"	105° 38' 35"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
Đường tỉnh 852B	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 22' 07"	105° 31' 26"	10° 20' 27"	105° 36' 57"	C-48-44-A-c
cầu Cai Bường	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 15"	105° 36' 56"					C-48-44-A-c
cầu Cai Quản	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 50"	105° 37' 23"					C-48-44-A-c
cầu Kênh Thầy Lâm	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 22' 28"	105° 38' 36"					C-48-44-A-d
cầu Phú Diệp A	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 34"	105° 35' 55"					C-48-44-A-c
cầu Si Mô Na	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 18"	105° 38' 08"					C-48-44-A-d
cầu Tân Lợi	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 36"	105° 37' 40"					C-48-44-A-d
cầu Thủ Ô	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 21' 28"	105° 37' 27"					C-48-44-A-c
cầu Vĩnh Thạnh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 16"	105° 37' 04"					C-48-44-A-c
chùa Huê Khánh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 21' 38"	105° 36' 39"					C-48-44-A-c
chùa Kim Bửu	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 19' 27"	105° 37' 35"					C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Phước Ân	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 03"	105° 36' 43"					C-48-44-A-c
đình Tân Thạnh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 21' 12"	105° 36' 12"					C-48-44-A-c
đình Thủ Ô	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 21' 30"	105° 37' 51"					C-48-44-A-d
đình Vĩnh Thạnh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 19"	105° 37' 00"					C-48-44-A-d
nhà thờ công giáo Long Hưng	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 18' 47"	105° 38' 01"					C-48-44-A-d
nhà thờ công giáo Vĩnh Thạnh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 18"	105° 36' 36"					C-48-44-A-d
Trung tâm y tế huyện Lấp Vò	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò	10° 20' 08"	105° 37' 00"					C-48-44-A-c
kênh Cái Tắc	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 17' 34"	105° 37' 54"	10° 19' 54"	105° 38' 16"	C-48-44-A-d
kênh Lộ 849	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 24' 36"	105° 38' 35"	10° 20' 17"	105° 37' 04"	C-48-44-A-b C-48-44-A-d
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 19' 54"	105° 35' 13"	10° 17' 15"	105° 36' 12"	C-48-44-A-c
kênh Ông Phủ	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 19' 54"	105° 35' 13"	10° 19' 53"	105° 37' 18"	C-48-44-A-c
kênh Thầy Lâm	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 20' 00"	105° 40' 06"	10° 24' 38"	105° 37' 24"	C-48-44-A-d
kênh xáng Lấp Vò	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 20' 18"	105° 29' 20"	10° 19' 55"	105° 38' 16"	C-48-44-A-c
rạch Cai Bường	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 19' 12"	105° 35' 16"	10° 20' 17"	105° 36' 58"	C-48-44-A-c
Rạch Chùa	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 18' 56"	105° 35' 16"	10° 18' 33"	105° 38' 00"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d
rạch Nước Chảy	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 21' 39"	105° 38' 49"	10° 19' 47"	105° 38' 35"	C-48-44-A-d
rạch Thủ Ô	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 21' 47"	105° 39' 08"	10° 21' 23"	105° 38' 08"	C-48-44-A-d
rạch Thủ Ô	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 21' 47"	105° 39' 08"	10° 21' 10"	105° 36' 12"	C-48-44-A-c C-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Tổng Điện	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 21' 28"	105° 38' 24"	10° 19' 52"	105° 39' 54"	C-48-44-A-d
rạch Vĩnh Thuận	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 20' 17"	105° 36' 58"	10° 21' 10"	105° 36' 11"	C-48-44-A-c
rạch xáng Nhỏ	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Lấp Vò			10° 22' 52"	105° 32' 24"	10° 20' 34"	105° 36' 57"	C-48-44-A-c
Khóm 1	DC	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 26"	105° 32' 53"					C-48-32-C-a
Khóm 2	DC	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 17"	105° 33' 25"					C-48-32-C-a
Khóm 3	DC	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 39' 42"	105° 33' 53"					C-48-32-C-a
Khóm 4	DC	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 32"	105° 33' 29"					C-48-32-C-a
Khóm 5	DC	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 23"	105° 34' 03"					C-48-32-C-a
Đường tỉnh 843	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 17"	105° 33' 32"	10° 49' 06"	105° 28' 19"	C-48-32-C-a
Đường tỉnh 844	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 41' 52"	105° 22' 47"	10° 40' 15"	105° 33' 38"	C-48-32-C-a
Đường tỉnh 855	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 33"	105° 33' 35"	10° 46' 58"	105° 38' 48"	C-48-32-C-a
cầu Cỏ Bắc	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 39' 15"	105° 32' 46"					C-48-32-C-a
cầu Đường Gạo 2	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 17"	105° 33' 33"					C-48-32-C-a
cầu Tam Nông	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 27"	105° 33' 56"					C-48-32-C-a
cầu Tràm Chim	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 31"	105° 33' 16"					C-48-32-C-a
chùa Hòa An Tự	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 33"	105° 32' 35"					C-48-32-C-a
đường Tràm Chim	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 41' 24"	105° 33' 07"	10° 40' 22"	105° 33' 15"	C-48-32-C-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 15"	105° 33' 38"	10° 40' 34"	105° 32' 27"	C-48-32-C-a
đường Võ Văn Kiệt	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-a
khu Ramsar thế giới - Di tích Danh lam thắng cảnh quốc gia - Vườn Quốc gia Tràm Chim	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 43' 25"	105° 30' 04"					C-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ công giáo Thiên Phước	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 40' 29"	105° 33' 02"					C-48-32-C-a
thánh thất họ đạo thị trấn Tràm Chim	KX	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông	10° 39' 38"	105° 33' 04"					C-48-32-C-a
Kênh 800	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 25"	105° 34' 28"	10° 42' 13"	105° 35' 45"	C-48-32-C-a
kênh Cà Dâm	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 29"	105° 33' 43"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-C-a
kênh Đồng Tiến	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-C-a
kênh Đường Gạo	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 36' 52"	105° 30' 44"	10° 40' 29"	105° 33' 43"	C-48-32-C-a
Kênh Hậu	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 30"	105° 32' 26"	10° 40' 14"	105° 33' 30"	C-48-32-C-a
kênh Phú Hiệp	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 49' 07"	105° 28' 21"	10° 40' 29"	105° 33' 43"	C-48-32-C-a
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-a
kênh Tổng Đài	TV	TT. Tràm Chim	H. Tam Nông			10° 40' 35"	105° 32' 27"	10° 39' 22"	105° 32' 17"	C-48-32-C-a
Ấp 1	DC	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 44' 53"	105° 21' 47"					C-48-31-D-a
Ấp 2	DC	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 44' 14"	105° 21' 53"					C-48-31-D-a
Ấp 3	DC	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 43' 33"	105° 22' 05"					C-48-31-D-a
Ấp 4	DC	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 44' 54"	105° 23' 31"					C-48-31-D-b
Quốc lộ 30	KX	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-D-a C-48-31-B-c C-48-31-D-b
cầu Trung Tâm	KX	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 44' 43"	105° 21' 46"					C-48-31-D-a
chùa Bửu Long Tự	KX	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 43' 08"	105° 22' 15"					C-48-31-D-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình An Long	KX	xã An Hòa	H. Tam Nông	10° 43' 06"	105° 22' 15"					C-48-31-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 45' 40"	105° 22' 44"	10° 37' 00"	105° 27' 01"	C-48-31-D-b C-48-31-B-d
kênh An Bình	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 44' 42"	105° 21' 40"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-31-B-d C-48-31-D-b C-48-31-D-a
kênh An Long 2	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 41' 42"	105° 24' 57"	10° 46' 20"	105° 24' 00"	C-48-31-D-b C-48-31-B-d
kênh Kháng Chiến 1	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 49' 10"	105° 21' 33"	10° 45' 10"	105° 25' 29"	C-48-31-B-d
kênh ranh Tam Nông - Hồng Ngự	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 45' 42"	105° 22' 48"	10° 47' 09"	105° 26' 53"	C-48-31-B-d
ngọn Kênh Thủy	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 45' 02"	105° 25' 10"	10° 44' 21"	105° 24' 25"	C-48-31-D-b
ngọn Kênh Thủy	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 44' 48"	105° 24' 12"	10° 43' 22"	105° 23' 28"	C-48-31-D-b
Sông Tiền (sông Cửu Long (Mekong)	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-B-c C-48-31-D-a
vàm kênh An Bình	TV	xã An Hòa	H. Tam Nông			10° 46' 13"	105° 21' 36"	10° 44' 52"	105° 22' 54"	C-48-31-B-c C-48-31-B-d C-48-31-D-b
ấp An Bình	DC	xã An Long	H. Tam Nông	10° 41' 46"	105° 23' 30"					C-48-31-D-b
ấp An Phú	DC	xã An Long	H. Tam Nông	10° 42' 13"	105° 22' 41"					C-48-31-D-b
ấp An Thịnh	DC	xã An Long	H. Tam Nông	10° 41' 55"	105° 23' 02"					C-48-31-D-b
ấp Phú Lợi	DC	xã An Long	H. Tam Nông	10° 42' 48"	105° 22' 28"					C-48-31-D-a
ấp Phú Thọ	DC	xã An Long	H. Tam Nông	10° 42' 22"	105° 22' 34"					C-48-31-D-b
ấp Phú Yên	DC	xã An Long	H. Tam Nông	10° 41' 58"	105° 22' 46"					C-48-31-D-b
Quốc lộ 30	KX	xã An Long	H. Tam Nông			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-D-b C-48-31-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 844	KX	xã An Long	H. Tam Nông			10° 41' 52"	105° 22' 47"	10° 40' 15"	105° 33' 38"	C-48-31-D-b
cầu An Long	KX	xã An Long	H. Tam Nông	10° 42' 01"	105° 22' 48"					C-48-31-D-b
nhà thờ công giáo An Long	KX	xã An Long	H. Tam Nông	10° 41' 55"	105° 22' 58"					C-48-31-D-b
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 45' 40"	105° 22' 44"	10° 37' 00"	105° 27' 01"	C-48-31-D-b
kênh An Long 2	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 41' 42"	105° 24' 57"	10° 46' 20"	105° 24' 00"	C-48-31-D-b
Kênh Cụt	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 41' 45"	105° 23' 02"	10° 39' 47"	105° 24' 01"	C-48-31-D-b
kênh Đồng Tiến	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-31-D-b
kênh Tư Đệ - Láng Chim	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 42' 43"	105° 24' 44"	10° 43' 34"	105° 25' 40"	C-48-31-D-b
ngọn Kênh Thủy	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 44' 48"	105° 24' 12"	10° 43' 22"	105° 23' 28"	C-48-31-D-b
ngọn Kênh Thủy	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 45' 02"	105° 25' 10"	10° 44' 21"	105° 24' 25"	C-48-31-D-b C-48-31-B-d
ngọn Láng Chim	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 42' 17"	105° 23' 47"	10° 42' 43"	105° 24' 44"	C-48-31-D-b
Sông Tiền	TV	xã An Long	H. Tam Nông			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-a
Ấp 1	DC	xã Hòa Bình	H. Tam Nông	10° 49' 06"	105° 36' 28"					C-48-32-A-c
Ấp 2	DC	xã Hòa Bình	H. Tam Nông	10° 48' 25"	105° 37' 13"					C-48-32-A-d
Ấp 3	DC	xã Hòa Bình	H. Tam Nông	10° 47' 17"	105° 38' 24"					C-48-32-A-d
Ấp 4	DC	xã Hòa Bình	H. Tam Nông	10° 46' 52"	105° 38' 53"					C-48-32-A-d
Ấp 5	DC	xã Hòa Bình	H. Tam Nông	10° 45' 40"	105° 40' 10"					C-48-32-A-d
Đường tỉnh 855	KX	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 40' 33"	105° 33' 35"	10° 46' 58"	105° 38' 48"	C-48-32-A-d
kênh An Bình	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 44' 42"	105° 21' 40"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-c C-48-32-A-d
kênh Cà Dâm	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 40' 29"	105° 33' 43"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mười Tải	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 45' 34"	105° 40' 19"	10° 40' 27"	105° 37' 35"	C-48-32-C-b C-48-32-A-d
kênh Ngang Gáo Đôi	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 47' 26"	105° 35' 02"	10° 48' 30"	105° 37' 11"	C-48-32-A-c
kênh Phước Xuyên	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-A-d C-48-32-A-c
kênh ranh Tam Nông - Tháp Mười	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 45' 06"	105° 40' 49"	10° 41' 02"	105° 38' 24"	C-48-32-C-b C-48-32-A-d
kênh Tà Thơi	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 46' 12"	105° 39' 39"	10° 44' 52"	105° 38' 55"	C-48-32-A-d
kênh Tân Công Sính 2	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 49' 02"	105° 34' 52"	10° 42' 46"	105° 40' 53"	C-48-32-A-c C-48-32-A-d C-48-32-C-b
kênh Xéo Gáo Đôi	TV	xã Hòa Bình	H. Tam Nông			10° 49' 15"	105° 35' 44"	10° 46' 22"	105° 36' 05"	C-48-32-A-c
Ấp A	DC	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 21"	105° 36' 03"					C-48-32-C-a
Ấp B	DC	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 23"	105° 36' 50"					C-48-32-C-b
ấp Gò Cát	DC	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 41' 42"	105° 38' 02"					C-48-32-C-b
ấp Hồng Kỳ	DC	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 43' 50"	105° 39' 22"					C-48-32-C-b
ấp Tân Cường	DC	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 20"	105° 34' 42"					C-48-32-C-a
chùa Đức Ân Tự	KX	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 23"	105° 36' 35"					C-48-32-C-b
chùa Tâm Thành	KX	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 17"	105° 36' 34"					C-48-32-C-b
di tích lịch sử Địa điểm Cơ quan Giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ	KX	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 22"	105° 37' 35"					C-48-32-C-b
đường Võ Văn Kiệt	KX	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-b C-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Tin Lành Phú Cường	KX	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 22"	105° 36' 24"					C-48-32-C-b
thánh thất họ đạo Phú Cường	KX	xã Phú Cường	H. Tam Nông	10° 40' 26"	105° 36' 28"					C-48-32-C-b
Kênh 500	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 40' 01"	105° 38' 00"	10° 40' 05"	105° 37' 32"	C-48-32-C-b
Kênh 800	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 40' 25"	105° 34' 28"	10° 42' 13"	105° 35' 45"	C-48-32-C-a
kênh Bình Thành 4	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 39' 02"	105° 35' 17"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-a
kênh Cầu Sắt	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 42' 10"	105° 35' 47"	10° 40' 24"	105° 35' 49"	C-48-32-C-a
Kênh Cùng	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 43' 04"	105° 39' 03"	10° 43' 00"	105° 39' 30"	C-48-32-C-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 40' 56"	105° 35' 04"	10° 41' 01"	105° 37' 41"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b
kênh Đồng Tiến	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-C-b C-48-32-C-a
kênh Lung Bông	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 40' 20"	105° 38' 47"	C-48-32-C-b C-48-32-C-a
kênh Mười Tải	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 45' 34"	105° 40' 19"	10° 40' 27"	105° 37' 35"	C-48-32-C-b
kênh Mười Tải	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 43' 04"	105° 39' 03"	10° 40' 27"	105° 37' 35"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b
kênh Nhà Thương	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 40' 24"	105° 36' 22"	10° 39' 00"	105° 36' 24"	C-48-32-C-a
kênh Phèn 2	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 39' 21"	105° 36' 59"	10° 40' 25"	105° 36' 56"	C-48-32-C-a
kênh Phú Đức	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 42' 02"	105° 35' 47"	10° 41' 18"	105° 36' 21"	C-48-32-C-a
kênh Phú Đức	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 49' 23"	105° 30' 40"	10° 40' 27"	105° 37' 01"	C-48-32-C-a
Kênh Ranh	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 43' 31"	105° 37' 31"	10° 44' 59"	105° 38' 49"	C-48-32-C-b
kênh ranh Tam Nông - Cao Lãnh	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 39' 02"	105° 37' 21"	10° 40' 23"	105° 38' 02"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-a
kênh Sáu Đạt	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 40' 21"	105° 35' 15"	10° 39' 02"	105° 35' 17"	C-48-32-C-a
kênh Tân Công Sính 1	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 48' 48"	105° 33' 48"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-b
kênh Tân Công Sính 2	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 49' 02"	105° 34' 52"	10° 42' 46"	105° 40' 53"	C-48-32-C-b
kênh Vĩnh Long 1	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 40' 52"	105° 37' 48"	10° 43' 10"	105° 35' 54"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b
kênh Vĩnh Long 2	TV	xã Phú Cường	H. Tam Nông			10° 44' 19"	105° 36' 49"	10° 42' 17"	105° 38' 36"	C-48-32-C-a C-48-32-C-b
ấp K8	DC	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 42' 20"	105° 32' 32"					C-48-32-C-a
ấp K9	DC	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 43' 20"	105° 31' 53"					C-48-32-C-a
ấp Phú Xuân	DC	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 45' 42"	105° 33' 22"					C-48-32-C-a
chùa Đồng Hòa Tự	KX	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 43' 12"	105° 31' 59"					C-48-32-C-a
chùa Nghĩa Hòa Tự	KX	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 42' 19"	105° 32' 30"					C-48-32-C-a
chùa Quê Hương	KX	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 41' 24"	105° 33' 05"					C-48-32-C-a
đền thờ Quan đốc binh Nguyễn Tấn Kiều	KX	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 42' 49"	105° 32' 13"					C-48-32-C-a
Đường tỉnh 843	KX	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 40' 17"	105° 33' 32"	10° 49' 06"	105° 28' 19"	C-48-32-C-a
khu Ramsar thế giới - Di tích Danh lam thắng cảnh quốc gia - Vườn Quốc gia Tràm Chim	KX	xã Phú Đức	H. Tam Nông	10° 43' 25"	105° 30' 04"					C-48-32-C-a
kênh A3	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 44' 01"	105° 34' 27"	10° 41' 26"	105° 33' 08"	C-48-32-C-a
kênh A4	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 44' 56"	105° 35' 30"	10° 44' 01"	105° 34' 27"	C-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh An Bình	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 44' 42"	105° 21' 40"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-c
kênh Lâm Vồ	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 45' 08"	105° 32' 14"	10° 42' 45"	105° 33' 39"	C-48-32-C-a C-48-32-A-c
kênh Lung Bông	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 40' 20"	105° 38' 47"	C-48-32-C-a C-48-32-A-c
kênh Nông Trường	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 48' 35"	105° 34' 00"	C-48-32-A-c
kênh Phú Đức	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 49' 23"	105° 30' 40"	10° 40' 27"	105° 37' 01"	C-48-32-A-c C-48-32-C-a
kênh Phú Hiệp	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 49' 07"	105° 28' 21"	10° 40' 29"	105° 33' 43"	C-48-32-C-a
kênh ranh Phú Hiệp - Phú Đức	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 44' 26"	105° 31' 16"	10° 45' 43"	105° 32' 54"	C-48-32-C-a C-48-32-A-c
kênh ranh Vườn Quốc Gia Tràm Chim	TV	xã Phú Đức	H. Tam Nông			10° 45' 22"	105° 28' 06"	10° 40' 53"	105° 33' 18"	C-48-32-C-a
ấp Hiệp Bình	DC	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 45' 38"	105° 31' 33"					C-48-32-A-c
ấp K10	DC	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 45' 14"	105° 30' 42"					C-48-32-A-c
ấp K11	DC	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 46' 16"	105° 30' 05"					C-48-32-A-c
ấp K12	DC	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 47' 34"	105° 29' 12"					C-48-31-B-d
ấp Phú Nông	DC	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 47' 52"	105° 31' 46"					C-48-32-A-c
Đường tỉnh 843	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 40' 17"	105° 33' 32"	10° 49' 06"	105° 28' 19"	C-48-31-B-d C-48-32-A-c C-48-32-C-a
cầu K10	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 45' 36"	105° 30' 29"					C-48-32-A-c
cầu Phú Hiệp	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 45' 36"	105° 30' 33"					C-48-32-A-c
chùa Bửu Tháp Tự	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 46' 10"	105° 30' 09"					C-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Hiếu Nghĩa Tự	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 46' 23"	105° 30' 01"					C-48-31-B-d
chùa Thập Bửu Tự	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 45' 17"	105° 30' 39"					C-48-32-A-c
đình Phú Hiệp	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 45' 38"	105° 30' 29"					C-48-32-A-c
hội quán Hưng Phú Tự	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 46' 43"	105° 29' 47"					C-48-32-A-c
khu Ramsar thế giới - Di tích Danh lam thắng cảnh quốc gia - Vườn Quốc gia Tràm Chim	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 43' 25"	105° 30' 04"					C-48-31-B-d C-48-31-D-b C-48-32-A-c C-48-32-C-a
thánh thất họ đạo Phú Hiệp	KX	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông	10° 46' 43"	105° 29' 48"					C-48-31-B-d
kênh A5	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 46' 40"	105° 29' 45"	10° 46' 39"	105° 28' 33"	C-48-31-B-d
kênh An Bình	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 44' 42"	105° 21' 40"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-c C-48-31-B-d
kênh Me Nước	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 45' 57"	105° 30' 18"	10° 45' 32"	105° 29' 37"	C-48-32-A-c C-48-31-B-d
kênh Nông Trường	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 48' 35"	105° 34' 00"	C-48-32-A-c
kênh Phèn Gò Quản Cung	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 46' 13"	105° 30' 11"	10° 46' 42"	105° 30' 59"	C-48-32-A-c
kênh Phú Đức	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 49' 23"	105° 30' 40"	10° 40' 27"	105° 37' 01"	C-48-32-A-c
kênh Phú Hiệp	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 49' 07"	105° 28' 21"	10° 40' 29"	105° 33' 43"	C-48-32-A-c C-48-32-C-a
kênh ranh K11-K12	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 46' 48"	105° 29' 49"	10° 47' 24"	105° 31' 04"	C-48-32-A-c C-48-31-B-d
kênh ranh Phú Hiệp - Phú Đức	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 44' 26"	105° 31' 16"	10° 45' 43"	105° 32' 54"	C-48-32-C-a C-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh ranh Phú Hiệp - Phú Thành B	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 47' 29"	105° 28' 09"	10° 45' 30"	105° 29' 07"	C-48-31-B-d
kênh ranh Tam Nông - Tân Hồng	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 47' 09"	105° 26' 53"	10° 48' 48"	105° 33' 48"	C-48-32-A-c
kênh ranh Vườn Quốc Gia Tràm Chim	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 45' 22"	105° 28' 06"	10° 40' 53"	105° 33' 18"	C-48-32-C-a C-48-32-A-c C-48-31-B-d
kênh Tân Công Sính 1	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 48' 48"	105° 33' 48"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-A-c
kênh Tư Chải	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 48' 39"	105° 33' 10"	10° 47' 25"	105° 32' 11"	C-48-32-A-c
kênh Từ Thiện	TV	xã Phú Hiệp	H. Tam Nông			10° 48' 09"	105° 30' 54"	10° 46' 33"	105° 31' 16"	C-48-32-A-c
Ấp 1	DC	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 18"	105° 23' 01"					C-48-31-D-b
Ấp 2	DC	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 40' 10"	105° 23' 28"					C-48-31-D-b
Ấp 3	DC	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 45"	105° 24' 16"					C-48-31-D-b
ấp Ninh Thuận	DC	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 50"	105° 24' 15"					C-48-31-D-b
ấp Phú An	DC	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 39' 52"	105° 23' 35"					C-48-31-D-b
Quốc lộ 30	KX	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-D-b
Đường tỉnh 844	KX	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 41' 52"	105° 22' 47"	10° 40' 15"	105° 33' 38"	C-48-31-D-b
chùa Bửu Sơn Kỳ Hương	KX	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 48"	105° 22' 45"					C-48-31-D-b
chùa Phát Quang	KX	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 52"	105° 22' 45"					C-48-31-D-b
tuyến đò Đình Tân Quới	KX	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 07"	105° 22' 45"					C-48-31-D-b
thánh thất họ đạo Phú Ninh	KX	xã Phú Ninh	H. Tam Nông	10° 41' 09"	105° 23' 05"					C-48-31-D-b
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 45' 40"	105° 22' 44"	10° 37' 00"	105° 27' 01"	C-48-31-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh An Long 2	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 41' 42"	105° 24' 57"	10° 46' 20"	105° 24' 00"	C-48-31-D-b
Kênh Cụt	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 41' 45"	105° 23' 02"	10° 39' 47"	105° 24' 01"	C-48-31-D-b
kênh Đồng Tiến	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-31-D-b
kênh Tư Đệ - Láng Chim	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 42' 43"	105° 24' 44"	10° 42' 50"	105° 26' 16"	C-48-31-D-b
ngọn Láng Chim	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 42' 17"	105° 23' 47"	10° 42' 43"	105° 24' 44"	C-48-31-D-b
Sông Tiền	TV	xã Phú Ninh	H. Tam Nông			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-a C-48-31-D-b
ấp An Phú	DC	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 41' 10"	105° 25' 54"					C-48-31-D-b
ấp Long An A	DC	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 40' 31"	105° 25' 50"					C-48-31-D-b
ấp Long Phú A	DC	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 41' 28"	105° 26' 11"					C-48-31-D-b
ấp Long Thành	DC	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 41' 35"	105° 25' 26"					C-48-31-D-b
ấp Phú Điền	DC	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 41' 39"	105° 25' 32"					C-48-31-D-b
ấp Tân Dinh	DC	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 41' 41"	105° 26' 08"					C-48-31-D-b
Đường tỉnh 844	KX	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 41' 52"	105° 22' 47"	10° 40' 15"	105° 33' 38"	C-48-31-D-b
chùa An Dân Tự	KX	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 40' 11"	105° 25' 45"					C-48-31-D-b
đình thần Phú Thành A	KX	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 40' 36"	105° 25' 48"					C-48-31-D-b
thánh thất họ đạo Phú Thành A	KX	xã Phú Thành A	H. Tam Nông	10° 39' 55"	105° 25' 28"					C-48-31-D-b
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 45' 40"	105° 22' 44"	10° 37' 00"	105° 27' 01"	C-48-31-D-b
kênh An Long 2	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 41' 42"	105° 24' 57"	10° 46' 20"	105° 24' 00"	C-48-31-D-b
kênh Cả Gốc	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 43' 00"	105° 26' 17"	10° 43' 21"	105° 28' 32"	C-48-31-D-b
kênh Đồng Tiến	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-31-D-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-31-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 41' 32"	105° 26' 02"	10° 42' 59"	105° 26' 17"	C-48-31-D-b
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-31-D-b
kênh Thủy Điện	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 41' 27"	105° 26' 44"	10° 43' 10"	105° 27' 35"	C-48-31-D-b
kênh Tư Đệ - Láng Chim	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 42' 50"	105° 25' 35"	10° 42' 50"	105° 26' 16"	C-48-31-D-b
mương Ông Cai Vịnh	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 40' 41"	105° 25' 38"	10° 40' 49"	105° 26' 19"	C-48-31-D-b
ngọn Tân Dinh	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 42' 05"	105° 26' 17"	10° 41' 16"	105° 27' 48"	C-48-31-D-b
rạch Ba Răng	TV	xã Phú Thành A	H. Tam Nông			10° 41' 32"	105° 26' 02"	10° 36' 35"	105° 24' 50"	C-48-31-D-b
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Thành B	H. Tam Nông	10° 46' 31"	105° 27' 10"					C-48-31-B-d
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Thành B	H. Tam Nông	10° 45' 11"	105° 25' 35"					C-48-31-B-d
ấp Phú Lâm	DC	xã Phú Thành B	H. Tam Nông	10° 44' 28"	105° 28' 12"					C-48-31-B-d
ấp Phú Long	DC	xã Phú Thành B	H. Tam Nông	10° 43' 08"	105° 26' 14"					C-48-31-D-b
kênh An Bình	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 44' 42"	105° 21' 40"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-31-B-d C-48-31-D-b C-48-31-D-a
kênh Cả Gốc	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 43' 00"	105° 26' 17"	10° 43' 21"	105° 28' 32"	C-48-31-D-b
kênh Kháng Chiến 1	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 49' 10"	105° 21' 33"	10° 45' 10"	105° 25' 29"	C-48-31-B-d
kênh Phú Thành 1	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 22"	105° 27' 42"	10° 47' 08"	105° 26' 54"	C-48-31-B-d
kênh Phú Thành 2	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 21"	105° 27' 42"	10° 41' 02"	105° 29' 25"	C-48-31-B-d C-48-31-D-b
kênh ranh Phú Hiệp - Phú Thành B	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 47' 29"	105° 28' 09"	10° 45' 30"	105° 29' 07"	C-48-31-B-d
kênh ranh Tam Nông - Hồng Ngự	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 42"	105° 22' 48"	10° 47' 09"	105° 26' 53"	C-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh ranh Vườn Quốc Gia Tràm Chim	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 22"	105° 28' 06"	10° 40' 53"	105° 33' 18"	C-48-31-B-d
ngọn Cả Gốc	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 44' 07"	105° 25' 40"	10° 44' 09"	105° 25' 46"	C-48-31-D-b
Ngọn Cũ	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 44' 27"	105° 28' 06"	10° 43' 36"	105° 25' 50"	C-48-31-D-b
ngọn Kênh Thủy	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 44' 48"	105° 24' 12"	10° 43' 22"	105° 23' 28"	C-48-31-D-b
Ngọn Thủy	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 30"	105° 25' 16"	10° 45' 14"	105° 24' 59"	C-48-31-B-d
rạch Kháng Chiến 2	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 10"	105° 25' 29"	10° 42' 59"	105° 26' 17"	C-48-31-D-b C-48-31-B-d
rọc Cù Lao Chim	TV	xã Phú Thành B	H. Tam Nông			10° 45' 46"	105° 25' 06"	10° 45' 30"	105° 24' 49"	C-48-31-B-d
ấp Long An B	DC	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 40' 19"	105° 26' 41"					C-48-31-D-b
ấp Long Phú	DC	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 41' 18"	105° 27' 11"					C-48-31-D-b
ấp Phú Thọ A	DC	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 41' 09"	105° 28' 21"					C-48-31-D-b
ấp Phú Thọ B	DC	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 40' 59"	105° 29' 16"					C-48-31-D-b
ấp Phú Thọ C	DC	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 40' 47"	105° 30' 55"					C-48-31-D-b
ấp Thống Nhất	DC	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 40' 16"	105° 29' 36"					C-48-31-D-b
Đường tỉnh 844	KX	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 41' 52"	105° 22' 47"	10° 40' 15"	105° 33' 38"	C-48-31-D-b C-48-32-C-a
chùa Tam Hòa Tự	KX	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 41' 02"	105° 28' 49"					C-48-31-D-b
khu Ramsar thế giới - Di tích Danh lam thắng cảnh quốc gia - Vườn Quốc gia Tràm Chim	KX	xã Phú Thọ	H. Tam Nông	10° 43' 25"	105° 30' 04"					C-48-31-D-b C-48-32-C-a
Kênh 1 Tháng 5	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 41' 28"	105° 27' 33"	10° 42' 33"	105° 27' 42"	C-48-31-D-b
Rạch 3000	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 43' 22"	105° 29' 51"	10° 43' 22"	105° 28' 48"	C-48-32-C-a C-48-31-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cả Gốc	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 43' 00"	105° 26' 17"	10° 43' 21"	105° 28' 32"	C-48-31-D-b
kênh Đồng Tiến	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-31-D-b C-48-32-C-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-31-D-b
kênh Phú Thành 2	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 45' 21"	105° 27' 42"	10° 41' 02"	105° 29' 25"	C-48-31-D-b
kênh Phú Thành 3	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 39' 53"	105° 29' 38"	10° 41' 02"	105° 29' 25"	C-48-31-D-b
kênh Phú Thọ	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 43' 14"	105° 27' 54"	10° 39' 56"	105° 28' 04"	C-48-31-D-b
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-a C-48-31-D-b
kênh ranh Vườn Quốc Gia Tràm Chim	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 45' 22"	105° 28' 06"	10° 40' 53"	105° 33' 18"	C-48-32-C-a
kênh Thủy Điện	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 41' 27"	105° 26' 44"	10° 43' 10"	105° 27' 35"	C-48-31-D-b
kênh Tổng Đài	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 40' 35"	105° 32' 27"	10° 39' 22"	105° 32' 17"	C-48-32-C-a
ngọn Cả Cát	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 41' 16"	105° 27' 48"	10° 42' 22"	105° 28' 56"	C-48-31-D-b
ngọn Tân Dinh	TV	xã Phú Thọ	H. Tam Nông			10° 42' 05"	105° 26' 17"	10° 41' 16"	105° 27' 48"	C-48-31-D-b
ấp Bưng Sấm	DC	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông	10° 47' 48"	105° 34' 39"					C-48-32-A-c
ấp Cà Dâm	DC	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông	10° 42' 47"	105° 35' 34"					C-48-32-A-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông	10° 45' 05"	105° 37' 08"					C-48-32-A-c
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông	10° 46' 16"	105° 35' 49"					C-48-32-A-c
Đường tỉnh 855	KX	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 40' 33"	105° 33' 35"	10° 46' 58"	105° 38' 48"	C-48-32-A-c
nhà thờ công giáo Thánh Tâm	KX	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông	10° 42' 55"	105° 35' 40"					C-48-32-A-c
Kênh 800	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 40' 25"	105° 34' 28"	10° 42' 13"	105° 35' 45"	C-48-32-C-a
kênh A3	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 44' 01"	105° 34' 27"	10° 41' 26"	105° 33' 08"	C-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh A4	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 44' 56"	105° 35' 30"	10° 44' 01"	105° 34' 27"	C-48-32-C-a
kênh An Bình	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 44' 42"	105° 21' 40"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-c
kênh Ba Thước	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 46' 11"	105° 35' 20"	10° 44' 37"	105° 36' 40"	C-48-32-A-c C-48-32-C-a
kênh Cà Dâm	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 40' 29"	105° 33' 43"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-d C-48-32-C-c C-48-32-C-a
kênh Cầu Sắt	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 42' 10"	105° 35' 47"	10° 40' 24"	105° 35' 49"	C-48-32-C-a
kênh Lung Bông	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 40' 20"	105° 38' 47"	C-48-32-C-a C-48-32-A-c
kênh Ngang Gáo Đôi	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 47' 26"	105° 35' 02"	10° 48' 30"	105° 37' 11"	C-48-32-A-c
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 48' 35"	105° 34' 00"	C-48-32-A-c
kênh Phú Đức	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 49' 23"	105° 30' 40"	10° 40' 27"	105° 37' 01"	C-48-32-C-a
kênh Tân Công Sính 1	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 48' 48"	105° 33' 48"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-A-c C-48-32-C-a C-48-32-C-b
kênh Tân Công Sính 2	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 49' 02"	105° 34' 52"	10° 42' 46"	105° 40' 53"	C-48-32-A-c C-48-32-A-d C-48-32-C-b
kênh Thủy Lợi 1	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 46' 10"	105° 34' 37"	10° 46' 54"	105° 35' 30"	C-48-32-A-c
kênh Thủy Lợi 2	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 46' 49"	105° 33' 55"	10° 47' 56"	105° 34' 35"	C-48-32-A-c
kênh Thủy Lợi 3	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 46' 29"	105° 34' 16"	10° 47' 19"	105° 35' 08"	C-48-32-A-c
kênh Vĩnh Long 1	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 40' 52"	105° 37' 48"	10° 43' 10"	105° 35' 54"	C-48-32-C-a
kênh Vĩnh Long 2	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 44' 19"	105° 36' 49"	10° 42' 17"	105° 38' 36"	C-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xéo Gáo Đôi	TV	xã Tân Công Sính	H. Tam Nông			10° 49' 15"	105° 35' 44"	10° 46' 22"	105° 36' 05"	C-48-32-A-c C-48-32-C-a
Khóm 1	DC	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 57"	105° 26' 59"					C-48-31-B-b
Khóm 2	DC	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 29"	105° 27' 34"					C-48-31-B-d
Khóm 3	DC	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 01"	105° 28' 01"					C-48-31-B-d
Quốc lộ 30	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-b
Đường tỉnh 843	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng			10° 49' 22"	105° 30' 08"	10° 54' 24"	105° 31' 18"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
Cầu Đúc (Cầu Gò Ổi)	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 54"	105° 26' 45"					C-48-31-B-b
cầu Sa Rài (cầu 72 Nhịp)	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 53' 19"	105° 27' 28"					C-48-31-B-b
cầu Thành Lập	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 51' 57"	105° 28' 12"					C-48-31-B-d
chùa Lập Phúc	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 32"	105° 27' 46"					C-48-31-B-d
đường Hùng Vương	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng			10° 52' 42"	105° 26' 21"	10° 53' 19"	105° 27' 28"	C-48-31-B-b
đường Nguyễn Huệ	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng			10° 52' 56"	105° 26' 53"	10° 51' 57"	105° 28' 13"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
nhà thờ công giáo Tân Hồng	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 21"	105° 27' 43"					C-48-31-B-d
thánh thất họ đạo Tân Hồng	KX	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng	10° 52' 31"	105° 27' 35"					C-48-31-B-d
kênh Sa Rài	TV	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng			10° 55' 51"	105° 24' 14"	10° 49' 23"	105° 30' 40"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	TT. Sa Rài	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-31-B-b
ấp An Lộc	DC	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 48' 53"	105° 26' 22"					C-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Phát	DC	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 07"	105° 28' 41"					C-48-31-B-d
ấp An Tài	DC	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 16"	105° 30' 17"					C-48-31-B-d
ấp An Thọ	DC	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 03"	105° 27' 58"					C-48-31-B-d
Đường tỉnh 842	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 48' 15"	105° 20' 21"	10° 49' 51"	105° 35' 41"	C-48-31-B-d
Đường tỉnh 843	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 40' 17"	105° 33' 32"	10° 49' 06"	105° 28' 19"	C-48-31-B-d
cầu Giồng Găng	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 20"	105° 30' 09"					C-48-32-A-c
cầu K12	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 07"	105° 28' 21"					C-48-31-B-d
cầu Kênh Ranh	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 47' 47"	105° 29' 06"					C-48-31-B-d
cầu Phú Đức	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 17"	105° 30' 43"					C-48-31-B-d
cầu Thống Nhất	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 48' 53"	105° 26' 07"					C-48-31-B-d
di tích lịch sử Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quảng Cung	KX	xã An Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 01"	105° 30' 14"					C-48-32-A-c
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-d C-48-32-A-c
kênh K12	TV	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 49' 07"	105° 28' 21"	10° 47' 46"	105° 29' 12"	C-48-31-B-d
kênh Phú Đức	TV	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 49' 23"	105° 30' 40"	10° 40' 27"	105° 37' 01"	C-48-32-A-c
kênh Phú Thành	TV	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 47' 08"	105° 26' 54"	10° 48' 53"	105° 27' 42"	C-48-31-B-d
kênh ranh Tam Nông - Tân Hồng	TV	xã An Phước	H. Tân Hồng			10° 47' 09"	105° 26' 53"	10° 48' 48"	105° 33' 48"	C-48-31-B-d C-48-32-A-c
ấp Cả Găng (Gò Goòng)	DC	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 54' 32"	105° 23' 41"					C-48-31-B-b
ấp Công Tạo	DC	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 55' 05"	105° 25' 43"					C-48-31-B-b
ấp Gò Da	DC	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 53' 15"	105° 26' 38"					C-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thống Nhất	DC	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 53' 26"	105° 22' 35"					C-48-31-B-b
Quốc lộ 30	KX	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
cầu Cây Dương	KX	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 55' 29"	105° 25' 15"					C-48-31-B-b
Cầu Đúc (cầu Gò Ổi)	KX	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 52' 54"	105° 26' 45"					C-48-31-B-b
chùa Đôn Hậu	KX	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 53' 17"	105° 26' 37"					C-48-31-B-b
di tích khảo cổ Chùa Phước Thiện	KX	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 55' 09"	105° 25' 48"					C-48-31-B-b
nhà thờ công giáo Gò Da	KX	xã Bình Phú	H. Tân Hồng	10° 53' 17"	105° 26' 36"					C-48-31-B-b
kênh Sa Rài	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 55' 51"	105° 24' 14"	10° 49' 23"	105° 30' 40"	C-48-31-B-b
kênh Tân Công Chí	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 55' 07"	105° 23' 05"	10° 49' 09"	105° 28' 11"	C-48-31-B-b
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
kênh Thống Nhất	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 53' 57"	105° 22' 11"	10° 45' 21"	105° 27' 42"	C-48-31-B-a C-48-31-B-b C-48-31-B-d
ngọn Bắc Dung	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 52' 54"	105° 24' 25"	10° 52' 28"	105° 24' 37"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
ngọn Cả Găng (rạch Sa Rài)	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 55' 28"	105° 24' 01"	10° 55' 31"	105° 25' 07"	C-48-31-B-b
ngọn Sa Rài (rạch Sầm Sai)	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 52' 22"	105° 23' 27"	10° 52' 54"	105° 24' 25"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
ngọn Tầm Lành	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 53' 03"	105° 24' 56"	10° 53' 56"	105° 25' 37"	C-48-31-B-b
ngọn Tầm Lành	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 52' 41"	105° 24' 47"	10° 53' 03"	105° 24' 56"	C-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cán Lọng	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 52' 28"	105° 24' 37"	10° 52' 15"	105° 25' 12"	C-48-31-B-d
sông Sở Hạ	TV	xã Bình Phú	H. Tân Hồng			10° 49' 40"	105° 20' 18"	10° 56' 56"	105° 29' 40"	C-48-31-B-a C-48-31-B-b
ấp Bắc Trang 1	DC	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 50' 18"	105° 27' 11"					C-48-31-B-d
ấp Bắc Trang 2	DC	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 49' 37"	105° 27' 45"					C-48-31-B-d
ấp Rọc Muống	DC	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 06"	105° 29' 10"					C-48-31-B-d
ấp Thành Lập	DC	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 40"	105° 28' 26"					C-48-31-B-d
ấp Thống Nhất 1	DC	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 32"	105° 24' 07"					C-48-31-B-d
ấp Thống Nhất 2	DC	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 49' 46"	105° 25' 25"					C-48-31-B-d
Quốc lộ 30	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
Đường tỉnh 843	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 49' 22"	105° 30' 08"	10° 54' 24"	105° 31' 18"	C-48-31-B-b C-48-32-A-c
cầu Dứt Gò Suông	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 22"	105° 28' 52"					C-48-31-B-d
cầu Giồng Găng	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 49' 20"	105° 30' 09"					C-48-32-A-c
cầu Tân Công Chí	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 52' 20"	105° 25' 32"					C-48-31-B-d
cầu Thành Lập	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 57"	105° 28' 12"					C-48-31-B-d
cầu Thống Nhất	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 39"	105° 23' 58"					C-48-31-B-d
chùa Phong Sơn	KX	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng	10° 51' 48"	105° 24' 18"					C-48-31-B-d
kênh Bốn Thước	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 50' 16"	105° 25' 42"	10° 52' 13"	105° 25' 13"	C-48-31-B-d
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-31-B-d C-48-32-A-c
kênh Sa Rài	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 55' 51"	105° 24' 14"	10° 49' 23"	105° 30' 40"	C-48-31-B-b C-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tân Công Chí	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 55' 07"	105° 23' 05"	10° 49' 09"	105° 28' 11"	C-48-31-B-b
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
kênh Thành Lập 2	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 50' 18"	105° 25' 03"	10° 50' 08"	105° 27' 21"	C-48-31-B-d
kênh Thống Nhất	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 53' 57"	105° 22' 11"	10° 45' 21"	105° 27' 42"	C-48-31-B-d
rọc Năm Bàng	TV	xã Tân Công Chí	H. Tân Hồng			10° 49' 54"	105° 27' 33"	10° 50' 30"	105° 27' 39"	C-48-31-B-d
ấp Chiến Thắng	DC	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 55' 48"	105° 25' 19"					C-48-31-B-b
ấp Dinh Bà (Dinh Bà)	DC	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 57' 54"	105° 25' 26"					C-48-31-B-b
ấp Đuôi Tôm (Gò Đuôi Tôm)	DC	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 55' 10"	105° 27' 27"					C-48-31-B-b
ấp Gò Bói	DC	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 56' 12"	105° 26' 34"					C-48-31-B-b
Quốc lộ 30	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-B-b
cầu Cây Dương	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 55' 29"	105° 25' 15"					C-48-31-B-b
cầu Dinh Bà	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 58' 02"	105° 25' 19"					C-48-31-B-b
chùa Đông An	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 55' 44"	105° 25' 18"					C-48-31-B-b
chùa Hiếu Đức (dinh Điền Hiếu Đức)	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 56' 11"	105° 26' 22"					C-48-31-B-b
Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 58' 04"	105° 25' 24"					C-48-31-B-b
Trạm kiểm soát Quốc tế Dinh Bà	KX	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng	10° 57' 56"	105° 25' 22"					C-48-31-B-b
kênh Đuôi Tôm	TV	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 56' 02"	105° 28' 30"	10° 54' 39"	105° 26' 28"	C-48-31-B-b
kênh Sa Rài	TV	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 55' 51"	105° 24' 14"	10° 49' 23"	105° 30' 40"	C-48-31-B-b
kênh Tân Hòa	TV	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 57' 22"	105° 26' 57"	10° 55' 11"	105° 26' 03"	C-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tân Thành	TV	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 57' 23"	105° 27' 10"	10° 49' 36"	105° 32' 28"	C-48-31-B-b C-48-32-A-a
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-31-B-b
sông Sở Hạ	TV	xã Tân Hộ Cơ	H. Tân Hồng			10° 49' 40"	105° 20' 18"	10° 56' 56"	105° 29' 40"	C-48-31-B-b
ấp Hoàng Việt	DC	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 50"	105° 35' 27"					C-48-32-A-c
ấp Tân Bảnh	DC	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 39"	105° 33' 46"					C-48-32-A-c
ấp Tuyết Hồng	DC	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 51' 02"	105° 34' 36"					C-48-32-A-c
Đường tỉnh 842	KX	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 48' 15"	105° 20' 21"	10° 49' 51"	105° 35' 41"	C-48-32-A-c
cầu BOT (cầu Tân Phước - Tân Thành)	KX	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 54"	105° 35' 30"					C-48-32-A-c
cầu Kênh Cô Đông	KX	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 35"	105° 33' 06"					C-48-32-A-c
cầu Tân Công Sính 2	KX	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 43"	105° 34' 12"					C-48-32-A-c
cầu Tân Phước	KX	xã Tân Phước	H. Tân Hồng	10° 49' 51"	105° 35' 42"					C-48-32-A-c
Kênh Co	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 50' 40"	105° 32' 02"	10° 50' 29"	105° 30' 28"	C-48-32-A-c
kênh Cô Đông	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 49' 38"	105° 33' 05"	10° 48' 48"	105° 33' 48"	C-48-32-A-c
kênh Giồng Nhỏ	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 50' 36"	105° 34' 43"	10° 51' 23"	105° 35' 57"	C-48-32-A-c
kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 48' 16"	105° 20' 15"	10° 49' 59"	105° 36' 38"	C-48-32-A-c
kênh Lê Hùng	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 49' 40"	105° 35' 55"	10° 48' 57"	105° 33' 08"	C-48-32-A-c
kênh Ngọn Cũ	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 51' 24"	105° 34' 04"	10° 50' 22"	105° 35' 28"	C-48-32-A-c
kênh Phú Đức	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 49' 23"	105° 30' 40"	10° 40' 27"	105° 37' 01"	C-48-32-A-c
kênh Phước Xuyên	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh ranh Tam Nông - Tân Hồng	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 47' 09"	105° 26' 53"	10° 48' 48"	105° 33' 48"	C-48-32-A-c
kênh Sa Rài	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 55' 51"	105° 24' 14"	10° 49' 23"	105° 30' 40"	C-48-32-A-c
kênh Tân Công Sính	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 49' 45"	105° 34' 11"	10° 49' 02"	105° 34' 52"	C-48-32-A-c
kênh Tân Thành	TV	xã Tân Phước	H. Tân Hồng			10° 57' 23"	105° 27' 10"	10° 49' 36"	105° 32' 28"	C-48-32-A-c
ấp Anh Dũng (Cái Cái)	DC	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 51' 29"	105° 33' 21"					C-48-32-A-c
ấp Cả Cái	DC	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 51' 44"	105° 33' 17"					C-48-32-A-c
ấp Cây Me	DC	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 53' 33"	105° 32' 40"					C-48-32-A-a
ấp Chiến Thắng	DC	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 53' 10"	105° 32' 44"					C-48-32-A-a
ấp Tham Bua (Tham Bua)	DC	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 52' 44"	105° 32' 48"					C-48-32-A-a
ấp Thi Sơn	DC	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 51' 37"	105° 33' 15"					C-48-32-A-a
di tích lịch sử Miếu Tiền hiền Huỳnh Công Huy	KX	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng	10° 51' 38"	105° 33' 21"					C-48-32-A-c
kênh Chín Kheo	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 53' 01"	105° 31' 12"	10° 53' 29"	105° 31' 52"	C-48-32-A-a
kênh Giồng Bà Hai	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 52' 20"	105° 33' 18"	10° 53' 12"	105° 34' 37"	C-48-32-A-a C-48-32-A-c
kênh Phước Xuyên	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-A-c
kênh Tân Thành (rạch Cái Tráp)	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 57' 23"	105° 27' 10"	10° 49' 36"	105° 32' 28"	C-48-32-A-a C-48-32-A-c
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-a
rạch Bắc Viện (rạch Bác Viên)	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 50' 41"	105° 32' 03"	C-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Môn (rạch Xa Trung)	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 53' 19"	105° 32' 53"	10° 53' 39"	105° 33' 42"	C-48-32-A-a
rạch Cù Lai	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 52' 53"	105° 31' 47"	10° 53' 22"	105° 31' 44"	C-48-32-A-a
rạch Tân Thành	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 51' 24"	105° 34' 04"	C-48-32-A-c
sông Thông Bình (rạch Cái Cái)	TV	xã Tân Thành A	H. Tân Hồng			10° 56' 56"	105° 29' 40"	10° 51' 34"	105° 33' 22"	C-48-32-A-a C-48-32-A-c
Ấp 1 (Gò Bẩy Châu Giang)	DC	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 53' 27"	105° 30' 39"					C-48-32-A-a
Ấp 2 (Gò Chùa Nhỏ)	DC	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 53' 02"	105° 28' 57"					C-48-31-B-b
Ấp 3	DC	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 50' 56"	105° 30' 24"					C-48-31-B-d
Ấp 4	DC	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 51' 43"	105° 31' 37"					C-48-32-A-c
Đường tỉnh 843	KX	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 49' 22"	105° 30' 08"	10° 54' 24"	105° 31' 18"	C-48-31-B-b C-48-32-A-a
cầu Sa Rài	KX	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 53' 19"	105° 27' 28"					C-48-31-B-b
cầu Tân Thành	KX	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 53' 58"	105° 30' 27"					C-48-32-A-a
di tích khảo cổ Gò chùa Tân Long	KX	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng	10° 53' 20"	105° 28' 55"					C-48-31-B-b
Kênh Co	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 50' 40"	105° 32' 02"	10° 50' 29"	105° 30' 28"	C-48-32-A-c
kênh Sa Rài	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 55' 51"	105° 24' 14"	10° 49' 23"	105° 30' 40"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d
kênh Tân Thành	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 57' 23"	105° 27' 10"	10° 49' 36"	105° 32' 28"	C-48-32-A-a C-48-32-A-c
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-31-B-b C-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tứ Tân	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 51' 31"	105° 29' 40"	10° 52' 24"	105° 31' 24"	C-48-31-B-d C-48-32-A-c
rạch Chín Ngói	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 52' 15"	105° 31' 06"	10° 52' 55"	105° 30' 29"	C-48-32-A-a C-48-32-A-c
rạch Dức Ông Chói	TV	xã Tân Thành B	H. Tân Hồng			10° 51' 51"	105° 30' 18"	10° 52' 38"	105° 29' 18"	C-48-31-B-b C-48-31-B-d C-48-32-A-c
ấp Cà Vàng	DC	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 55' 03"	105° 30' 47"					C-48-32-A-a
ấp Chòi Mòi	DC	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 54' 00"	105° 31' 35"					C-48-32-A-a
ấp Long Sơn	DC	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 54' 20"	105° 31' 15"					C-48-32-A-a
ấp Phước Tiên	DC	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 56' 51"	105° 29' 45"					C-48-32-A-a
Ấp Thị	DC	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 56' 17"	105° 29' 42"					C-48-31-B-b
cầu Tân Thành	KX	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 53' 58"	105° 30' 27"					C-48-32-A-a
chùa Pháp Võ	KX	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 56' 33"	105° 29' 42"					C-48-32-A-a
đình Ngã Ba Thông Bình	KX	xã Thông Bình	H. Tân Hồng	10° 56' 55"	105° 29' 38"					C-48-32-A-a
Đường tỉnh 843	KX	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 49' 22"	105° 30' 08"	10° 54' 24"	105° 31' 18"	C-48-32-A-a
kênh Chín Kheo	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 53' 01"	105° 31' 12"	10° 53' 29"	105° 31' 52"	C-48-32-A-a
kênh Lộ 30	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 56' 53"	105° 29' 39"	10° 56' 39"	105° 27' 55"	C-48-31-B-b
kênh Tân Thành	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 57' 23"	105° 27' 10"	10° 49' 36"	105° 32' 28"	C-48-31-B-b C-48-32-A-a
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-a
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 50' 38"	105° 21' 35"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kinh Cái Bát	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 57' 16"	105° 29' 49"	10° 57' 01"	105° 30' 11"	C-48-31-B-b C-48-32-A-a
rạch Chòi Mòi	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 54' 12"	105° 31' 36"	10° 54' 24"	105° 32' 22"	C-48-32-A-a
sông Sở Hạ	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 49' 40"	105° 20' 18"	10° 56' 56"	105° 29' 40"	C-48-31-B-b
sông Tam Ly	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 56' 56"	105° 29' 40"	10° 57' 16"	105° 29' 49"	C-48-31-B-b
sông Thông Bình	TV	xã Thông Bình	H. Tân Hồng			10° 56' 56"	105° 29' 40"	10° 51' 35"	105° 33' 22"	C-48-31-B-b C-48-32-A-a
khóm Phú Mỹ	DC	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 32' 52"	105° 29' 42"					C-48-31-D-d
khóm Tân Đông A	DC	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 13"	105° 30' 10"					C-48-32-C-c
khóm Tân Đông B	DC	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 28"	105° 29' 44"					C-48-31-D-d
khóm Tân Thuận	DC	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 54"	105° 28' 49"					C-48-31-D-d
Quốc lộ 30	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Bình	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 13"	105° 29' 37"					C-48-31-D-d
cầu Cái Tre	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 02"	105° 30' 40"					C-48-32-C-c
cầu Đốc Vàng Hạ	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 48"	105° 28' 53"					C-48-31-D-d
cầu Mương Lớn 1	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 07"	105° 30' 24"					C-48-32-C-c
cầu Trà Bông	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 34' 04"	105° 28' 12"					C-48-31-D-d
cầu Xẻo Miễu	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 21"	105° 29' 40"					C-48-31-D-d
chùa Long Bửu Tự	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 25"	105° 28' 59"					C-48-31-D-d
di tích lịch sử Vụ thảm sát Bình Thành	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 04"	105° 30' 37"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Võ Văn Kiệt	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
thánh thất họ đạo thị trấn Thanh Bình	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 21"	105° 29' 21"					C-48-31-D-d
Trung tâm y tế Huyện Thanh Bình	KX	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình	10° 33' 15"	105° 29' 38"					C-48-31-D-d
kênh Cái Tre	TV	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 32' 56"	105° 30' 40"	10° 35' 57"	105° 32' 57"	C-48-32-C-c
kênh Lòng Hồ	TV	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 32' 42"	105° 29' 50"	10° 32' 51"	105° 30' 33"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
kênh Trà Bông	TV	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 33' 46"	105° 28' 46"	10° 34' 04"	105° 28' 09"	C-48-31-D-d
rạch Đốc Vàng Hạ	TV	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 37' 41"	105° 31' 06"	10° 33' 05"	105° 29' 34"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
Sông Tiền	TV	TT. Thanh Bình	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
Ấp Ba	DC	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 38' 11"	105° 24' 12"					C-48-31-D-b
Ấp Nhì	DC	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 38' 09"	105° 24' 45"					C-48-31-D-b
Ấp Nhứt	DC	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 35' 48"	105° 25' 28"					C-48-31-D-d
Ấp Thị	DC	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 37' 21"	105° 24' 51"					C-48-31-D-d
Ấp Tư	DC	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 38' 26"	105° 26' 14"					C-48-31-D-b
Quốc lộ 30	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
cầu An Phong - Mỹ Hòa	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 37' 06"	105° 24' 52"					C-48-31-D-d
cầu Ba Răng	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 37' 25"	105° 24' 46"					C-48-31-D-d
chùa An Bửu	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 37' 03"	105° 24' 46"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích kiến trúc nghệ thuật Đình An Phong	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 37' 01"	105° 24' 42"					C-48-31-D-d
hội thánh tin lành An Phong	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 37' 22"	105° 24' 53"					C-48-31-D-d
bến phà An Phong - Tân Bình	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 35' 34"	105° 25' 11"					C-48-31-D-d
thánh thất cao đài An Phong (thánh thất An Phong)	KX	xã An Phong	H. Thanh Bình	10° 36' 26"	105° 25' 00"					C-48-31-D-d
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 45' 40"	105° 22' 44"	10° 37' 00"	105° 27' 01"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-31-D-d
kênh Bùng Binh	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 39' 47"	105° 24' 01"	10° 39' 02"	105° 24' 34"	C-48-31-D-b
kênh Chùa Cao Đài	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 36' 24"	105° 24' 56"	10° 36' 17"	105° 26' 13"	C-48-31-D-d
kênh Huyện Hy	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 37' 51"	105° 24' 56"	10° 38' 09"	105° 26' 22"	C-48-31-D-b
kênh ranh An Phong - Tân Thạnh	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 37' 02"	105° 26' 23"	10° 35' 13"	105° 26' 04"	C-48-31-D-d
rạch Ba Răng	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 41' 32"	105° 26' 02"	10° 36' 35"	105° 24' 50"	C-48-31-D-b
Sông Tiền	TV	xã An Phong	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-d C-48-31-D-b
Ấp 1	DC	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình	10° 36' 41"	105° 34' 10"					C-48-32-C-c
Ấp 2	DC	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình	10° 37' 44"	105° 35' 15"					C-48-32-C-a
Ấp 3	DC	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình	10° 36' 26"	105° 35' 08"					C-48-32-C-c
Ấp 4	DC	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình	10° 36' 39"	105° 35' 41"					C-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích lịch sử Khu căn cứ Bắc Dầu - Quán Tre	KX	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình	10° 36' 28"	105° 35' 19"					C-48-32-C-c
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-c
kênh Bà Sửu	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 39' 00"	105° 36' 28"	10° 38' 06"	105° 34' 40"	C-48-32-C-a
kênh Bình Thành 4	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 39' 02"	105° 35' 17"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Cả Cường	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 34' 58"	105° 35' 16"	10° 35' 59"	105° 32' 57"	C-48-32-C-c
kênh Cả Điểm	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 36' 38"	105° 35' 28"	10° 37' 31"	105° 36' 36"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Cả Tre	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 38' 06"	105° 34' 40"	10° 36' 32"	105° 33' 37"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Giáo Đường	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 32' 43"	105° 31' 56"	10° 36' 40"	105° 34' 31"	C-48-32-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 34' 41"	105° 33' 01"	10° 39' 16"	105° 32' 46"	C-48-32-C-c
kênh Mũi Tàu	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 38' 12"	105° 36' 23"	10° 37' 14"	105° 35' 13"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Quán Tre	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 35' 32"	105° 34' 10"	10° 36' 22"	105° 35' 08"	C-48-32-C-c
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-c
kênh ranh Thanh Bình - Cao Lãnh	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 34' 57"	105° 35' 16"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Thầy Ba Vĩ	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 37' 14"	105° 35' 13"	10° 35' 48"	105° 33' 31"	C-48-32-C-c
Kênh Tư	TV	xã Bình Tấn	H. Thanh Bình			10° 36' 55"	105° 34' 49"	10° 37' 39"	105° 34' 13"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
ấp Bình Chánh	DC	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 14"	105° 32' 14"					C-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Định	DC	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 49"	105° 31' 25"					C-48-32-C-c
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 31' 25"	105° 33' 06"					C-48-32-C-c
ấp Bình Thuận	DC	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 34' 39"	105° 33' 01"					C-48-32-C-c
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 33' 09"	105° 32' 48"					C-48-32-C-c
Quốc lộ 30	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-32-C-c
cầu Cái Dầu	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 43"	105° 31' 56"					C-48-32-C-c
cầu Cái Nổ	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 24"	105° 32' 19"					C-48-32-C-c
cầu Cái Tre	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 33' 02"	105° 30' 40"					C-48-32-C-c
chùa Thành Phước	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 29"	105° 32' 36"					C-48-32-C-c
Cụm công nghiệp Bình Thành	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 38"	105° 31' 36"					C-48-32-C-c
tuyến đò Bình Thành - Mỹ Hiệp	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 31' 58"	105° 32' 08"					C-48-32-C-c
thánh thất họ đạo Bình Thành	KX	xã Bình Thành	H. Thanh Bình	10° 32' 26"	105° 32' 11"					C-48-32-C-c
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 34' 53"	105° 29' 23"	10° 32' 11"	105° 33' 49"	C-48-32-C-c
kênh Bìm Bìm	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 33' 56"	105° 32' 30"	10° 34' 08"	105° 31' 30"	C-48-32-C-c
kênh Bình Thành 4	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 39' 02"	105° 35' 17"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-a
kênh Cả Cái	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 32' 43"	105° 31' 56"	10° 34' 10"	105° 33' 18"	C-48-32-C-c
kênh Cả Chanh	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 31' 53"	105° 32' 43"	10° 32' 50"	105° 33' 19"	C-48-32-C-c
kênh Cả Cường	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 34' 58"	105° 35' 16"	10° 35' 59"	105° 32' 57"	C-48-32-C-c
kênh Cả Gốc	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 32' 58"	105° 32' 19"	10° 33' 50"	105° 32' 33"	C-48-32-C-c
kênh Cả Lách	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 31' 41"	105° 32' 52"	10° 32' 40"	105° 33' 27"	C-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cả Phòng	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 34' 05"	105° 33' 25"	10° 35' 19"	105° 34' 33"	C-48-32-C-c
kênh Cả Trạch	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 34' 10"	105° 33' 18"	10° 35' 32"	105° 34' 10"	C-48-32-C-c
kênh Cái Nổ	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 33' 24"	105° 33' 02"	10° 32' 24"	105° 32' 20"	C-48-32-C-c
kênh Cái Tre	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 32' 56"	105° 30' 40"	10° 35' 57"	105° 32' 57"	C-48-32-C-c
kênh Giáo Đường	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 32' 43"	105° 31' 56"	10° 36' 40"	105° 34' 31"	C-48-32-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 34' 41"	105° 33' 01"	10° 39' 16"	105° 32' 46"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Kháng Chiến	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-32-C-c
kênh ranh Thanh Bình - Cao Lãnh	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 34' 27"	105° 35' 00"	10° 32' 11"	105° 33' 49"	C-48-32-C-c
kênh Xã Phèn	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 33' 38"	105° 34' 34"	10° 35' 05"	105° 35' 01"	C-48-32-C-c
rạch Cái Dầu	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 32' 43"	105° 31' 56"	10° 32' 08"	105° 32' 10"	C-48-32-C-c
Sông Tiền	TV	xã Bình Thành	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-32-C-c
Ấp 1	DC	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình	10° 36' 58"	105° 27' 34"					C-48-31-D-d
Ấp 2	DC	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình	10° 36' 57"	105° 28' 53"					C-48-31-D-d
Ấp 3	DC	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình	10° 37' 25"	105° 29' 07"					C-48-31-D-d
Ấp 4	DC	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình	10° 36' 46"	105° 29' 39"					C-48-31-D-d
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 45' 40"	105° 22' 44"	10° 37' 00"	105° 27' 01"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 35' 42"	105° 28' 07"	10° 34' 46"	105° 29' 15"	C-48-31-D-d
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cả Cái	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 38' 33"	105° 28' 08"	10° 37' 32"	105° 26' 08"	C-48-31-D-b
kênh Đường Gạo	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 39' 33"	105° 29' 42"	10° 36' 13"	105° 27' 42"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-31-D-b
kênh Rọc Sen	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 36' 55"	105° 29' 15"	10° 35' 25"	105° 28' 27"	C-48-31-D-d
kênh Thống Nhất	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 39' 53"	105° 29' 38"	10° 36' 53"	105° 30' 14"	C-48-31-D-b C-48-32-C-a C-48-32-C-c
rạch Đốc Vàng Thượng	TV	xã Phú Lợi	H. Thanh Bình			10° 37' 00"	105° 27' 01"	10° 33' 02"	105° 29' 21"	C-48-31-D-b
Ấp Hạ	DC	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 37' 06"	105° 23' 58"					C-48-31-D-d
ấp Tân Hội	DC	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 34' 30"	105° 25' 14"					C-48-31-D-d
ấp Tân Phú A	DC	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 35' 31"	105° 24' 53"					C-48-31-D-d
ấp Tân Phú B	DC	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 36' 23"	105° 23' 07"					C-48-31-D-d
chùa Tân Bửu	KX	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 35' 33"	105° 24' 50"					C-48-31-D-d
chùa Tân Phù Phước	KX	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 36' 22"	105° 24' 16"					C-48-31-D-d
nhà thờ công giáo Tân Long	KX	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 36' 02"	105° 24' 36"					C-48-31-D-d
bến phà An Phong - Tân Bình	KX	xã Tân Bình	H. Thanh Bình	10° 35' 34"	105° 25' 11"					C-48-31-D-d
kênh Tư Tạo	TV	xã Tân Bình	H. Thanh Bình			10° 36' 58"	105° 24' 05"	10° 36' 31"	105° 22' 59"	C-48-31-D-d
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Bình	H. Thanh Bình			10° 34' 35"	105° 25' 10"	10° 33' 16"	105° 26' 09"	C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Bình	H. Thanh Bình			10° 41' 45"	105° 21' 40"	10° 33' 49"	105° 25' 59"	C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Bình	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-d C-48-31-D-b
ấp Tân Bình Hạ	DC	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 39' 29"	105° 21' 15"					C-48-31-D-a
ấp Tân Bình Thượng	DC	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 39' 01"	105° 20' 45"					C-48-31-D-a
ấp Tân Dinh	DC	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 40' 27"	105° 20' 57"					C-48-31-D-a
ấp Tân Thới	DC	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 40' 50"	105° 21' 08"					C-48-31-D-a
tuyến đò Tân Hòa - Phú An	KX	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 40' 34"	105° 20' 15"					C-48-31-D-a
nhà thờ công giáo An Rê	KX	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 41' 26"	105° 21' 28"					C-48-31-D-a
nhà thờ công giáo Bến Dinh	KX	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình	10° 40' 12"	105° 20' 55"					C-48-31-D-a
kênh Lòng Hồ	TV	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình			10° 41' 41"	105° 21' 25"	10° 38' 26"	105° 20' 34"	C-48-31-D-a
kênh Tân Bình Hạ	TV	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình			10° 40' 10"	105° 20' 49"	10° 36' 37"	105° 21' 26"	C-48-31-D-a
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình			10° 41' 45"	105° 21' 40"	10° 33' 49"	105° 25' 59"	C-48-31-D-a
Sông Tiền	TV	xã Tân Hòa	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-a
ấp Tân An	DC	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 35' 23"	105° 22' 04"					C-48-31-D-c
ấp Tân Bình Hạ	DC	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 37' 17"	105° 21' 36"					C-48-31-D-c
ấp Tân Bình Thượng	DC	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 37' 15"	105° 21' 08"					C-48-31-D-c
ấp Tân Phong	DC	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 36' 03"	105° 21' 53"					C-48-31-D-c
tuyến đò Ao Sen	KX	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 37' 47"	105° 20' 37"					C-48-31-D-a
tuyến đò Cả Khánh	KX	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 35' 30"	105° 21' 36"					C-48-31-D-c
tuyến đò Tân Hưng - Mỹ Lương	KX	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 36' 23"	105° 21' 11"					C-48-31-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Tân Huề	H. Thanh Bình	10° 34' 53"	105° 22' 51"					C-48-31-D-d
kênh Bà Cả Khánh	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 36' 18"	105° 22' 52"	10° 35' 42"	105° 21' 56"	C-48-31-D-d C-48-31-D-c
kênh Ba Đặng	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 37' 17"	105° 22' 42"	10° 36' 52"	105° 21' 55"	C-48-31-D-d C-48-31-D-c
kênh Bảy Quẹo	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 37' 41"	105° 21' 33"	10° 38' 01"	105° 22' 29"	C-48-31-D-a
kênh Chín Cứng	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 35' 17"	105° 22' 31"	10° 35' 32"	105° 22' 54"	C-48-31-D-c
kênh Doi Lửa	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 35' 37"	105° 22' 57"	10° 33' 58"	105° 25' 26"	C-48-31-D-d
kênh Tân Bình Hạ	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 40' 10"	105° 20' 49"	10° 36' 37"	105° 21' 26"	C-48-31-D-a C-48-31-D-c
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 41' 45"	105° 21' 40"	10° 33' 49"	105° 25' 59"	C-48-31-D-d C-48-31-D-a C-48-31-D-b
Sông Tiền	TV	xã Tân Huề	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-a C-48-31-D-c
ấp Tân Hội	DC	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 34' 03"	105° 25' 11"					C-48-31-D-d
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 35' 34"	105° 23' 39"					C-48-31-D-d
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 33' 19"	105° 25' 22"					C-48-31-D-d
ấp Thạnh An	DC	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 34' 19"	105° 23' 34"					C-48-31-D-d
di tích lịch sử cách mạng và kiến trúc nghệ thuật Đình Tân Long	KX	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 34' 12"	105° 25' 17"					C-48-31-D-d
điện thờ Phật Mẫu Họ đạo Tân Long	KX	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 33' 18"	105° 24' 49"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thánh thất họ đạo Tân Long	KX	xã Tân Long	H. Thanh Bình	10° 33' 58"	105° 24' 09"					C-48-31-D-d
kênh Doi Lửa	TV	xã Tân Long	H. Thanh Bình			10° 35' 37"	105° 22' 57"	10° 33' 58"	105° 25' 26"	C-48-31-D-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Tân Long	H. Thanh Bình			10° 33' 37"	105° 25' 36"	10° 33' 08"	105° 25' 17"	C-48-31-D-d
kênh Mương Chùa	TV	xã Tân Long	H. Thanh Bình			10° 34' 44"	105° 25' 05"	10° 33' 47"	105° 24' 01"	C-48-31-D-d
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Long	H. Thanh Bình			10° 34' 35"	105° 25' 10"	10° 33' 16"	105° 26' 09"	C-48-31-D-d
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Long	H. Thanh Bình			10° 41' 45"	105° 21' 40"	10° 33' 49"	105° 25' 59"	C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Long	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-d C-48-31-D-c
Ấp 1	DC	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 36' 37"	105° 30' 21"					C-48-32-C-c
Ấp 2	DC	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 37' 52"	105° 31' 05"					C-48-32-C-a
Ấp 3	DC	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 38' 42"	105° 32' 23"					C-48-32-C-a
Ấp 4	DC	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 37' 55"	105° 31' 40"					C-48-32-C-a
Ấp 5	DC	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 38' 04"	105° 32' 54"					C-48-32-C-c
cầu Cái Tre	KX	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 36' 00"	105° 30' 17"					C-48-32-C-c
cầu Cỏ Bắc	KX	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 39' 15"	105° 32' 46"					C-48-32-C-a
cầu Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình	10° 36' 51"	105° 30' 45"					C-48-32-C-c
đường Võ Văn Kiệt	KX	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
kênh Bào Hổ	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 39' 33"	105° 31' 07"	10° 37' 59"	105° 31' 42"	C-48-32-C-a
kênh Bình Thành 4	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 39' 02"	105° 35' 17"	10° 34' 02"	105° 34' 59"	C-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cái Tre	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 32' 56"	105° 30' 40"	10° 35' 57"	105° 32' 57"	C-48-32-C-c
kênh Đường Gạo	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 36' 52"	105° 30' 44"	10° 40' 29"	105° 33' 43"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 34' 41"	105° 33' 01"	10° 39' 16"	105° 32' 46"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
kênh Kháng Chiến	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-32-C-c
kênh Kháng Chiến	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 37' 50"	105° 28' 44"	10° 36' 07"	105° 30' 09"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
kênh ranh Tam Nông - Thanh Bình	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 39' 56"	105° 28' 04"	10° 39' 02"	105° 37' 21"	C-48-32-C-a C-48-31-D-b
kênh Ruột Ngựa	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 38' 59"	105° 29' 49"	10° 37' 43"	105° 31' 28"	C-48-32-C-a C-48-31-D-b
kênh Thống Nhất	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 39' 53"	105° 29' 38"	10° 36' 53"	105° 30' 14"	C-48-31-D-b C-48-32-C-a C-48-32-C-c
rạch Đốc Vàng Hạ	TV	xã Tân Mỹ	H. Thanh Bình			10° 37' 41"	105° 31' 06"	10° 33' 05"	105° 29' 34"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
ấp Tân Hòa A	DC	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 35' 20"	105° 29' 56"					C-48-32-C-c
ấp Tân Hòa B	DC	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 35' 34"	105° 30' 05"					C-48-32-C-c
ấp Tân Thuận A	DC	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 34' 16"	105° 29' 15"					C-48-31-D-d
ấp Tân Thuận B	DC	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 34' 42"	105° 29' 36"					C-48-31-D-d
Cầu 2 Tháng 9	KX	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 34' 25"	105° 30' 16"					C-48-32-C-c
cầu Cái Tre	KX	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 36' 00"	105° 30' 17"					C-48-32-C-c
chùa Long Sơn	KX	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 34' 07"	105° 29' 18"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Nam An	KX	xã Tân Phú	H. Thanh Bình	10° 35' 01"	105° 29' 42"					C-48-31-D-d
đường Võ Văn Kiệt	KX	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 34' 53"	105° 29' 23"	10° 32' 11"	105° 33' 49"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 35' 42"	105° 28' 07"	10° 34' 46"	105° 29' 15"	C-48-31-D-d
kênh Cái Nga	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 34' 59"	105° 28' 35"	10° 34' 44"	105° 29' 13"	C-48-31-D-d
kênh Cái Tre	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 32' 56"	105° 30' 40"	10° 35' 57"	105° 32' 57"	C-48-32-C-c
Kênh Đào	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 34' 25"	105° 30' 17"	10° 33' 47"	105° 30' 01"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 41' 12"	105° 26' 07"	10° 33' 01"	105° 34' 32"	C-48-31-D-b C-48-31-D-d
kênh Láng Tượng	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 35' 16"	105° 29' 58"	10° 34' 14"	105° 31' 29"	C-48-32-C-c C-48-31-D-d
kênh Rọc Sen	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 36' 55"	105° 29' 15"	10° 35' 25"	105° 28' 27"	C-48-31-D-d
rạch Đốc Vàng Hạ	TV	xã Tân Phú	H. Thanh Bình			10° 37' 41"	105° 31' 06"	10° 33' 05"	105° 29' 34"	C-48-32-C-a C-48-32-C-c
Ấp Hạ	DC	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 38' 09"	105° 23' 32"					C-48-31-D-b
ấp Tân Thới	DC	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 41' 50"	105° 21' 49"					C-48-31-D-a
Ấp Thượng	DC	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 40' 41"	105° 22' 37"					C-48-31-D-a
Ấp Trung	DC	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 39' 25"	105° 23' 03"					C-48-31-D-b
chùa Tân Phù	KX	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 41' 03"	105° 22' 34"					C-48-31-D-b
tuyến đò Chợ Tân Quới - Phú Ninh	KX	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 40' 11"	105° 23' 06"					C-48-31-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Đình Tân Quới	KX	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 41' 07"	105° 22' 45"					C-48-31-D-b
tuyến đò Tân Quới - An Long	KX	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 42' 05"	105° 22' 23"					C-48-31-D-b
nhà thờ công giáo Fatima	KX	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 39' 09"	105° 23' 04"					C-48-31-D-b
nhà thờ công giáo Tân Quới	KX	xã Tân Quới	H. Thanh Bình	10° 40' 05"	105° 22' 49"					C-48-31-D-b
rạch Mã Trường	TV	xã Tân Quới	H. Thanh Bình			10° 41' 45"	105° 21' 40"	10° 33' 49"	105° 25' 59"	C-48-31-D-a C-48-31-D-b C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Quới	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-a C-48-31-D-b
Ấp Bắc	DC	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 35' 29"	105° 27' 44"					C-48-31-D-d
Ấp Nam	DC	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 33' 39"	105° 27' 50"					C-48-31-D-d
Ấp Tây	DC	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 33' 29"	105° 27' 14"					C-48-31-D-d
Ấp Trung	DC	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 34' 30"	105° 26' 51"					C-48-31-D-d
Quốc lộ 30	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 19' 49"	105° 48' 59"	10° 58' 02"	105° 25' 19"	C-48-31-D-d
cầu Đốc Vàng Thượng	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 34' 19"	105° 27' 08"					C-48-31-D-d
chùa Bửu Thạnh	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 34' 30"	105° 27' 37"					C-48-31-D-d
di tích lịch sử Đền thờ Thượng tướng Quận công Trần Văn Năng	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 33' 09"	105° 28' 52"					C-48-31-D-d
tuyến đò Chợ Thủ	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 32' 22"	105° 28' 14"					C-48-31-D-d
tuyến đò Doi Lửa	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 33' 21"	105° 26' 33"					C-48-31-D-d
thánh thất cao đài ban chỉnh Bến Tre	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 33' 28"	105° 28' 00"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thánh thất cao đài Tây Ninh	KX	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình	10° 34' 09"	105° 27' 16"					C-48-31-D-d
Kênh 2 Tháng 9	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 35' 42"	105° 28' 07"	10° 34' 46"	105° 29' 15"	C-48-31-D-d
kênh Bùng Binh	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 34' 50"	105° 26' 21"	10° 34' 24"	105° 27' 04"	C-48-31-D-d
kênh Cả Sặc	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 36' 17"	105° 26' 13"	10° 36' 07"	105° 27' 11"	C-48-31-D-d
kênh Hai Ngộ	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 35' 56"	105° 26' 10"	10° 34' 55"	105° 27' 00"	C-48-31-D-d
kênh Lòng Hồ	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 33' 25"	105° 26' 51"	10° 33' 08"	105° 28' 54"	C-48-31-D-d
kênh ranh An Phong - Tân Thạnh	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 37' 02"	105° 26' 23"	10° 35' 13"	105° 26' 04"	C-48-31-D-d
rạch Đốc Vàng Thượng	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 37' 00"	105° 27' 01"	10° 33' 02"	105° 29' 21"	C-48-31-D-b
rạch Đốc Vàng Thượng	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 37' 00"	105° 27' 01"	10° 33' 02"	105° 29' 21"	C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Thạnh	H. Thanh Bình			10° 54' 45"	105° 11' 13"	10° 16' 36"	105° 53' 32"	C-48-31-D-d
Khóm 1	DC	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 22"	105° 50' 55"					C-48-32-D-c
Khóm 2	DC	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 26"	105° 50' 07"					C-48-32-D-c
Khóm 3	DC	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 34"	105° 50' 37"					C-48-32-D-c
Khóm 4	DC	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 30' 37"	105° 50' 16"					C-48-32-D-c
Đường tỉnh 845	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 39' 00"	105° 47' 09"	C-48-32-D-c
Đường tỉnh 846	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 30' 45"	105° 56' 24"	C-48-32-D-c
Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 22"	105° 50' 25"					C-48-32-D-c
cầu Kênh 25	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 32' 33"	105° 49' 59"					C-48-32-D-c
cầu Kênh 500	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 44"	105° 50' 56"					C-48-32-D-c
cầu Kênh 500-2	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 56"	105° 51' 05"					C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Kênh 8000	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 32' 51"	105° 49' 50"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Nhất	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 57"	105° 51' 30"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Xáng	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 22"	105° 49' 20"					C-48-32-D-c
cầu Mỹ An	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 02"	105° 50' 52"					C-48-32-D-c
cầu Ngân Hàng	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 02"	105° 50' 42"					C-48-32-D-c
cầu Tháp Mười	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 12"	105° 50' 43"					C-48-32-D-c
chợ Tháp Mười	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 10"	105° 50' 38"					C-48-32-D-c
đường Gò Tháp	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 35"	105° 50' 45"	10° 32' 51"	105° 49' 50"	C-48-32-D-c
đường Hùng Vương	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 17"	105° 50' 49"	10° 31' 22"	105° 49' 20"	C-48-32-D-c
đường Lê Quý Đôn	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 31' 17"	105° 50' 49"	C-48-32-D-c
Quốc lộ N2	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 17"	105° 50' 49"	10° 32' 55"	105° 54' 04"	C-48-32-D-c
Trường Trung học phổ thông Tháp Mười	KX	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 16"	105° 50' 44"					C-48-32-D-c
Kênh 25	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 32' 33"	105° 49' 57"	10° 32' 10"	105° 51' 20"	C-48-32-D-c
Kênh 307	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 30"	105° 49' 18"	10° 21' 20"	105° 48' 56"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
Kênh 500	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 58"	105° 46' 08"	10° 31' 34"	105° 50' 17"	C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 52' 04"	10° 32' 48"	105° 51' 13"	C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 46"	105° 50' 48"	10° 31' 41"	105° 51' 44"	C-48-32-D-c
Kênh 600	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 55"	105° 49' 22"	10° 30' 00"	105° 50' 25"	C-48-32-D-c
Kênh 800	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 32' 10"	105° 46' 25"	10° 31' 58"	105° 50' 06"	C-48-32-D-c
Kênh 1000	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 26' 40"	105° 53' 28"	10° 30' 25"	105° 49' 24"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 8000	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 33' 23"	105° 50' 27"	10° 32' 50"	105° 49' 49"	C-48-32-D-c
kênh Cô Hai	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 09"	105° 52' 43"	10° 33' 03"	105° 50' 58"	C-48-32-D-c
Kênh Giữa	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 36"	105° 50' 54"	10° 31' 10"	105° 50' 18"	C-48-32-D-c
kênh Huyện Đội	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 27"	105° 50' 42"	10° 32' 21"	105° 50' 58"	C-48-32-D-c
kênh Kháng Chiến	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 29' 20"	105° 49' 46"	10° 30' 13"	105° 50' 39"	C-48-32-D-c C-48-32-D-c
kênh Liên 8	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 32' 12"	105° 49' 33"	10° 32' 07"	105° 50' 08"	C-48-32-D-c
kênh Nguyễn Văn Tiếp A	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 45"	105° 43' 19"	10° 30' 41"	105° 56' 24"	C-48-32-D-c
Kênh Nhất	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 28' 45"	105° 54' 06"	10° 33' 23"	105° 50' 27"	C-48-32-D-c
kênh Ông Đội	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 45"	105° 51' 03"	10° 31' 19"	105° 51' 35"	C-48-32-D-c
kênh Tháp Mười	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 56"	105° 33' 21"	10° 31' 27"	105° 50' 28"	C-48-32-D-c
kênh Tư Cũ	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 27' 15"	105° 53' 46"	10° 31' 27"	105° 49' 20"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
kênh Tư Mới	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 39' 35"	105° 46' 44"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
kênh Từ Bi	TV	TT. Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 17"	105° 50' 36"	10° 30' 45"	105° 51' 03"	C-48-32-D-c
Ấp 1	DC	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 29' 39"	105° 56' 16"					C-48-44-B-b
Ấp 2	DC	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 30' 25"	105° 54' 19"					C-48-32-D-d
Ấp 3	DC	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 31' 30"	105° 53' 44"					C-48-32-D-d
Ấp 4	DC	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 31' 45"	105° 56' 22"					C-48-32-D-d
Ấp 5	DC	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 30' 51"	105° 55' 17"					C-48-32-D-d
Đường tỉnh 846	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 30' 45"	105° 56' 24"	C-48-32-D-d
cầu Bằng Lăng	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 30' 45"	105° 56' 24"					C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Kênh Bùi	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 31' 07"	105° 54' 21"					C-48-32-D-d
cầu Kênh Giữa	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 31' 09"	105° 54' 02"					C-48-32-D-d
cầu Kênh Nhì	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 31' 16"	105° 53' 12"					C-48-32-D-d
cầu Kênh Ranh	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười	10° 32' 55"	105° 54' 04"					C-48-32-D-d
Quốc lộ N2	KX	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 17"	105° 50' 49"	10° 32' 55"	105° 54' 04"	C-48-32-D-d
Kênh 500	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 35' 26"	105° 49' 56"	10° 31' 15"	105° 53' 35"	C-48-32-D-d
Kênh 500	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 36' 04"	105° 49' 56"	10° 31' 12"	105° 54' 22"	C-48-32-D-d
Kênh 600	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 43"	105° 54' 09"	10° 32' 57"	105° 53' 40"	C-48-32-D-d
Kênh 600	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 51"	105° 56' 03"	10° 32' 09"	105° 56' 03"	C-48-32-D-d
Kênh 1500	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 49"	105° 55' 22"	10° 32' 18"	105° 55' 25"	C-48-32-D-d
kênh Bảy Thước	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 44"	105° 54' 25"	10° 31' 34"	105° 56' 24"	C-48-32-D-d
Kênh Bùi	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 56"	105° 54' 20"	10° 32' 23"	105° 54' 30"	C-48-32-D-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 53"	105° 54' 54"	10° 32' 20"	105° 55' 03"	C-48-32-D-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 46"	105° 55' 50"	10° 32' 17"	105° 55' 50"	C-48-32-D-d
Kênh Giữa	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 58"	105° 54' 11"	10° 35' 58"	105° 49' 49"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
kênh Giữa Cô Hai	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 29' 27"	105° 54' 11"	10° 33' 03"	105° 50' 58"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
kênh Hai Hạt	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 32' 23"	105° 54' 30"	10° 32' 14"	105° 56' 24"	C-48-32-D-d
kênh K27	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 25"	105° 54' 23"	10° 32' 34"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d
Kênh Năm	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 56"	105° 54' 20"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
Kênh Năm	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 04"	105° 54' 14"	10° 31' 04"	105° 53' 23"	C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nguyễn Văn Tiếp A	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 45"	105° 43' 19"	10° 30' 41"	105° 56' 24"	C-48-32-D-d
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 29' 44"	105° 56' 24"	10° 22' 04"	105° 50' 34"	C-48-44-B-b
Kênh Nhì	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 04"	105° 53' 22"	10° 35' 42"	105° 49' 18"	C-48-32-D-d
kênh ranh Long An	TV	xã Đốc Binh Kiều	H. Tháp Mười			10° 39' 16"	105° 48' 22"	10° 32' 21"	105° 54' 29"	C-48-32-D-d
Ấp 1	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười	10° 40' 09"	105° 40' 11"					C-48-32-C-b
ấp 2A	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười	10° 40' 01"	105° 41' 46"					C-48-32-C-b
ấp 2B	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười	10° 37' 42"	105° 42' 31"					C-48-32-C-b
Ấp 3	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười	10° 39' 56"	105° 43' 04"					C-48-32-C-b
Ấp 4	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười	10° 39' 46"	105° 44' 19"					C-48-32-D-a
đường Võ Văn Kiệt	KX	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
Kênh 13	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 39' 34"	105° 40' 08"	10° 40' 12"	105° 40' 14"	C-48-32-C-b
Kênh 15	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 40' 00"	105° 38' 36"	10° 40' 20"	105° 38' 47"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
Kênh 2 mét	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 39' 11"	105° 44' 12"	10° 38' 42"	105° 42' 19"	C-48-32-C-b
kênh An Long	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 39' 17"	105° 48' 22"	10° 42' 03"	105° 22' 34"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh An Long	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 40' 03"	105° 41' 50"	10° 39' 35"	105° 46' 44"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh An Tiến	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 35' 54"	105° 45' 40"	10° 41' 01"	105° 43' 38"	C-48-32-C-b
kênh Cây Vông	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 39' 36"	105° 46' 37"	10° 40' 45"	105° 40' 39"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh Công Sự	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 41' 37"	105° 40' 23"	10° 40' 16"	105° 39' 39"	C-48-32-C-b
Kênh Cùng	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 40' 20"	105° 38' 47"	10° 44' 32"	105° 41' 26"	C-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đồng Tiến	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-C-b
kênh Đường Thét	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 27' 59"	105° 42' 15"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
kênh Giáo Giáp	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 41' 38"	105° 40' 23"	10° 40' 37"	105° 43' 43"	C-48-32-C-b
kênh Giáo Giáp	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 38' 24"	105° 44' 33"	10° 39' 06"	105° 46' 22"	C-48-32-D-a C-48-32-C-b
kênh Hội Kỳ Nhì	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 37' 02"	105° 40' 55"	10° 39' 06"	105° 46' 22"	C-48-32-C-d C-48-32-D-a C-48-32-C-b
kênh Lung Bông	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 46' 02"	105° 34' 39"	10° 40' 20"	105° 38' 47"	C-48-32-C-b
kênh Tân Công Sính 1	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 48' 48"	105° 33' 48"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-b
kênh Tây Cập	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tháp Mười			10° 36' 14"	105° 40' 51"	10° 38' 58"	105° 41' 23"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
Ấp 1	DC	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 31"	105° 47' 49"					C-48-44-B-a
Ấp 2	DC	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 04"	105° 47' 45"					C-48-44-B-a
Ấp 3	DC	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 13"	105° 48' 05"					C-48-44-B-a
Ấp 4	DC	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 55"	105° 48' 18"					C-48-44-B-a
Đường tỉnh 850	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 31' 24"	105° 48' 21"	10° 18' 44"	105° 46' 08"	C-48-44-B-a
cầu Bảy Thước	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 01"	105° 47' 59"					C-48-44-B-a
cầu K Bắc	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 30' 27"	105° 48' 17"					C-48-44-B-a
cầu K1	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 51"	105° 48' 11"					C-48-44-B-a
cầu K2	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 29' 22"	105° 48' 02"					C-48-44-B-a
cầu K3	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 28' 48"	105° 47' 57"					C-48-44-B-a
cầu K4	KX	xã Láng Biển	H. Tháp Mười	10° 28' 16"	105° 47' 52"					C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 307	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 31' 30"	105° 49' 18"	10° 21' 20"	105° 48' 56"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
kênh Bảy Thước	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 29' 29"	105° 45' 23"	10° 28' 15"	105° 48' 58"	C-48-44-B-a
kênh Cây Vong	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 28' 59"	105° 48' 01"	10° 28' 15"	105° 47' 54"	C-48-44-B-a
kênh K Bắc	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 30' 24"	105° 49' 24"	10° 30' 33"	105° 45' 29"	C-48-32-D-c
kênh K Tây	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 27' 22"	105° 45' 46"	10° 30' 32"	105° 46' 04"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
kênh K1	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 29' 46"	105° 49' 26"	10° 30' 02"	105° 46' 02"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
kênh K2	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 29' 20"	105° 49' 26"	10° 29' 26"	105° 47' 03"	C-48-44-B-a
kênh K3	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 28' 49"	105° 45' 19"	10° 28' 48"	105° 49' 24"	C-48-44-B-a
kênh K4	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 28' 17"	105° 45' 16"	10° 28' 15"	105° 49' 15"	C-48-44-B-a
kênh Láng Biển	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 26' 53"	105° 47' 30"	10° 30' 28"	105° 47' 58"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
kênh Ông Hai	TV	xã Láng Biển	H. Tháp Mười			10° 31' 33"	105° 48' 26"	10° 28' 59"	105° 48' 01"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a
ấp Mỹ Phú A	DC	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 30' 29"	105° 51' 19"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Phú B	DC	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 30' 13"	105° 51' 25"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Phú C	DC	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 29' 52"	105° 50' 59"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Thị A	DC	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 30' 56"	105° 52' 21"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Thị B	DC	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 25"	105° 52' 04"					C-48-32-D-c
Đường tỉnh 846	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 30' 45"	105° 56' 24"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
cầu Kênh Cô Hai	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 20"	105° 52' 34"					C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Kênh Giữa Cô Hai	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 57"	105° 52' 03"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Nhất	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 25"	105° 51' 57"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Nhất	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 57"	105° 51' 30"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Nhì	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười	10° 31' 16"	105° 53' 12"					C-48-32-D-d
Quốc lộ N2	KX	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 17"	105° 50' 49"	10° 32' 55"	105° 54' 04"	C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 52' 04"	10° 32' 48"	105° 51' 13"	C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 19"	105° 52' 52"	10° 33' 34"	105° 50' 42"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh 500	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 59"	105° 51' 16"	10° 30' 06"	105° 51' 58"	C-48-32-D-c
Kênh 1000	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 26' 40"	105° 53' 28"	10° 30' 25"	105° 49' 24"	C-48-44-B-a
kênh Cô Hai	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 09"	105° 52' 43"	10° 33' 03"	105° 50' 58"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 10"	105° 51' 26"	10° 30' 16"	105° 52' 08"	C-48-32-D-c
kênh Giữa Cô Hai	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 29' 27"	105° 54' 11"	10° 33' 03"	105° 50' 58"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 29' 20"	105° 49' 46"	10° 30' 13"	105° 50' 39"	C-48-32-D-c C-48-32-D-c
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 27"	105° 50' 28"	10° 30' 41"	105° 56' 24"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh Nhất	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 28' 45"	105° 54' 06"	10° 33' 23"	105° 50' 27"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
Kênh Nhì	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 04"	105° 53' 22"	10° 35' 42"	105° 49' 18"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
kênh Thanh Mỹ - Mỹ An	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 24' 31"	105° 51' 28"	10° 29' 49"	105° 51' 46"	C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thủy Lợi	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 31' 28"	105° 51' 55"	10° 32' 00"	105° 52' 33"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
kênh Từ Bi	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 30' 17"	105° 50' 36"	10° 30' 45"	105° 51' 03"	C-48-32-D-c
kênh Tư Cũ	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 27' 15"	105° 53' 46"	10° 31' 27"	105° 49' 20"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a C-48-44-B-b
kênh Tư Mới	TV	xã Mỹ An	H. Tháp Mười			10° 39' 35"	105° 46' 44"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a C-48-44-B-b
Ấp 1	DC	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 31' 34"	105° 48' 37"					C-48-32-D-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 31' 38"	105° 46' 51"					C-48-32-D-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 32' 23"	105° 48' 25"					C-48-32-D-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 31' 35"	105° 46' 18"					C-48-32-D-c
Ấp 5	DC	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 30' 49"	105° 48' 24"					C-48-32-D-c
Đường tỉnh 850	KX	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 24"	105° 48' 21"	10° 18' 44"	105° 46' 08"	C-48-32-D-c
cầu Kênh Xáng	KX	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 31' 22"	105° 49' 20"					C-48-32-D-c
cầu Mỹ Đông	KX	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 31' 25"	105° 48' 25"					C-48-32-D-c
chùa Thanh Hương	KX	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười	10° 31' 37"	105° 48' 01"					C-48-32-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-32-D-c
Kênh 307	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 30"	105° 49' 18"	10° 21' 20"	105° 48' 56"	C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 58"	105° 46' 08"	10° 31' 34"	105° 50' 17"	C-48-32-D-c
Kênh 800	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 32' 10"	105° 46' 25"	10° 31' 58"	105° 50' 06"	C-48-32-D-c
kênh Hàng Mã Chiến Sĩ	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 32' 40"	105° 46' 57"	10° 34' 47"	105° 47' 11"	C-48-32-D-c
kênh K Bắc	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 30' 24"	105° 49' 24"	10° 30' 33"	105° 45' 29"	C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mỹ Đông	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 32' 45"	105° 46' 24"	10° 32' 12"	105° 49' 33"	C-48-32-D-c
kênh Mỹ Phước	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 40"	105° 46' 06"	10° 34' 49"	105° 46' 43"	C-48-32-D-c
kênh Nguyễn Văn Tiếp A	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 45"	105° 43' 19"	10° 30' 41"	105° 56' 24"	C-48-32-D-c
kênh Ông Hai	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 33"	105° 48' 26"	10° 28' 59"	105° 48' 01"	C-48-32-D-c
kênh Trâm Bầu	TV	xã Mỹ Đông	H. Tháp Mười			10° 31' 34"	105° 48' 24"	10° 33' 21"	105° 48' 20"	C-48-32-D-c
Ấp 1	DC	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 35' 58"	105° 48' 25"					C-48-32-D-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 34' 47"	105° 48' 53"					C-48-32-D-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 33' 51"	105° 49' 23"					C-48-32-D-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 34' 39"	105° 50' 15"					C-48-32-D-c
Ấp 5	DC	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 34' 07"	105° 47' 59"					C-48-32-D-c
Đường tỉnh 845	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 39' 00"	105° 47' 09"	C-48-32-D-c
cầu Kênh 8000	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 32' 51"	105° 49' 50"					C-48-32-D-c
cầu Kênh 9000	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 33' 23"	105° 49' 36"					C-48-32-D-c
cầu Kênh 12000	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 35' 20"	105° 48' 42"					C-48-32-D-c
cầu Kênh An Phong	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 35' 48"	105° 48' 29"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Thầy Ký	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 36' 06"	105° 48' 21"					C-48-32-D-c
khu du lịch Đồng Sen Tháp Mười	KX	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười	10° 36' 16"	105° 49' 08"					C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 35' 26"	105° 49' 56"	10° 31' 15"	105° 53' 35"	C-48-32-D-c
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 33' 13"	105° 49' 01"	10° 34' 56"	105° 48' 13"	C-48-32-D-c
Kênh 8000	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 32' 50"	105° 49' 49"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-D-c
Kênh 9000	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 33' 22"	105° 49' 35"	10° 34' 26"	105° 50' 48"	C-48-32-D-c
Kênh 12000	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 33' 51"	105° 52' 25"	10° 35' 37"	105° 49' 11"	C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-D-c
kênh Ba Thước	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 33' 09"	105° 49' 22"	10° 32' 42"	105° 49' 27"	C-48-32-D-c
kênh Bảy Thước	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 32' 50"	105° 49' 48"	10° 34' 13"	105° 41' 03"	C-48-32-D-c
kênh Bảy Thước	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 33' 03"	105° 49' 41"	10° 32' 44"	105° 49' 02"	C-48-32-D-c
kênh Đê Thanh Niên	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 35' 42"	105° 48' 57"	10° 37' 15"	105° 49' 44"	C-48-32-D-c
Kênh Ngang	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 35' 32"	105° 49' 03"	10° 33' 24"	105° 50' 27"	C-48-32-D-c
Kênh Nhì	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 31' 04"	105° 53' 22"	10° 35' 42"	105° 49' 18"	C-48-32-D-c
kênh Thầy Bảy Bồng	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 34' 49"	105° 46' 43"	10° 35' 31"	105° 48' 35"	C-48-32-D-c
kênh Thầy Ký	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 36' 06"	105° 48' 21"	10° 36' 48"	105° 49' 18"	C-48-32-D-c
kênh Trâm Bầu	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 31' 34"	105° 48' 24"	10° 33' 21"	105° 48' 20"	C-48-32-D-c
kênh Tư Mới	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 39' 35"	105° 46' 44"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-32-D-c
kênh Việt Kiều	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tháp Mười			10° 35' 48"	105° 47' 25"	10° 33' 43"	105° 46' 33"	C-48-32-D-c
ấp Mỹ Nam 1	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 04"	105° 45' 34"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Nam 2	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 30' 03"	105° 45' 27"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Phước 1	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 43"	105° 45' 21"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Phước 2	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 33' 59"	105° 46' 34"					C-48-32-D-c
ấp Mỹ Tây 1	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 39"	105° 44' 50"					C-48-32-C-d
ấp Mỹ Tây 2	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 41"	105° 43' 21"					C-48-32-C-d
ấp Mỹ Tây 3	DC	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 32' 16"	105° 43' 27"					C-48-32-C-d
cầu Cái Bèo	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 34"	105° 45' 35"					C-48-32-D-c
cầu Đập Đá	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 36"	105° 43' 59"					C-48-32-C-d
cầu Đường Thét	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 37"	105° 43' 18"					C-48-32-C-d
cầu Kháng Chiến	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 30' 17"	105° 43' 03"					C-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 32' 55"	105° 54' 05"	10° 19' 16"	105° 30' 22"	C-48-32-D-c
hội quán Hưng Phước Tự	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 34' 08"	105° 46' 14"					C-48-32-D-c
nhà thờ công giáo Mỹ Quí	KX	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười	10° 31' 43"	105° 45' 17"					C-48-32-D-c
Kênh 2000	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 30' 57"	105° 43' 16"	10° 30' 33"	105° 45' 29"	C-48-32-C-d C-48-32-D-c
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-D-c
kênh Bảy Thước	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 32' 50"	105° 49' 48"	10° 34' 13"	105° 41' 03"	C-48-32-C-d C-48-32-D-c
kênh Cái Bèo	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 26' 49"	105° 45' 07"	10° 31' 40"	105° 45' 36"	C-48-44-B-a C-48-32-D-c
kênh Đường Thét	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 27' 59"	105° 42' 15"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-d
kênh Gò Cồng	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 35' 51"	105° 46' 13"	10° 33' 50"	105° 45' 48"	C-48-32-D-c
kênh Hàng Mã Chiến Sĩ	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 32' 40"	105° 46' 57"	10° 34' 47"	105° 47' 11"	C-48-32-D-c
kênh Hợp Tác Xã	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 31' 42"	105° 45' 12"	10° 33' 56"	105° 45' 08"	C-48-32-D-c
kênh K Bắc	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 30' 24"	105° 49' 24"	10° 30' 33"	105° 45' 29"	C-48-32-D-c
kênh K Tây	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 27' 22"	105° 45' 46"	10° 30' 32"	105° 46' 04"	C-48-44-B-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 30' 17"	105° 43' 02"	10° 29' 29"	105° 45' 23"	C-48-44-A-b C-48-44-B-a C-48-32-C-d
kênh Mỹ Phước	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 31' 40"	105° 46' 06"	10° 34' 49"	105° 46' 43"	C-48-32-D-c
kênh Nguyễn Văn Tiếp A	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 31' 45"	105° 43' 19"	10° 30' 41"	105° 56' 24"	C-48-32-C-d C-48-32-D-c
Kênh Sườn	TV	xã Mỹ Quí	H. Tháp Mười			10° 29' 30"	105° 45' 17"	10° 30' 34"	105° 45' 23"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Điền	DC	xã Phú Điền	H. Tháp Mười	10° 28' 02"	105° 51' 04"					C-48-44-B-a
ấp Mỹ Phú	DC	xã Phú Điền	H. Tháp Mười	10° 28' 07"	105° 53' 04"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Tân	DC	xã Phú Điền	H. Tháp Mười	10° 29' 44"	105° 53' 18"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Phú Điền	H. Tháp Mười	10° 27' 06"	105° 53' 51"					C-48-44-B-b
Kênh 307	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 31' 30"	105° 49' 18"	10° 21' 20"	105° 48' 56"	C-48-44-B-a
Kênh 1000	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 26' 40"	105° 53' 28"	10° 30' 25"	105° 49' 24"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a C-48-44-B-b
kênh Ba Mỹ Điền	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 26' 15"	105° 53' 05"	10° 29' 32"	105° 49' 27"	C-48-44-B-a C-48-44-B-b
kênh Giữa Cô Hai	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 29' 27"	105° 54' 11"	10° 33' 03"	105° 50' 58"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 29' 20"	105° 49' 46"	10° 30' 13"	105° 50' 39"	C-48-32-D-c C-48-32-D-c
Kênh Năm	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 30' 56"	105° 54' 20"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 29' 44"	105° 56' 24"	10° 22' 04"	105° 50' 34"	C-48-44-B-b
Kênh Nhất	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 28' 45"	105° 54' 06"	10° 33' 23"	105° 50' 27"	C-48-32-D-d C-48-44-B-b
kênh Thanh Mỹ - Mỹ An	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 24' 31"	105° 51' 28"	10° 29' 49"	105° 51' 46"	C-48-44-B-a
kênh Tư Cũ	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 27' 15"	105° 53' 46"	10° 31' 27"	105° 49' 20"	C-48-32-D-c C-48-44-B-a C-48-44-B-b
kênh Tư Mới	TV	xã Phú Điền	H. Tháp Mười			10° 39' 35"	105° 46' 44"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 35' 29"	105° 50' 12"					C-48-32-D-c
Ấp 2	DC	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 34' 37"	105° 51' 46"					C-48-32-D-c
Ấp 3	DC	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 33' 11"	105° 51' 33"					C-48-32-D-c
Ấp 4	DC	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 33' 21"	105° 52' 53"					C-48-32-D-d
cầu Kênh Ba	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 32' 32"	105° 53' 30"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Giữa	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 32' 18"	105° 53' 01"					C-48-32-D-c
cầu Kênh Nhì	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 32' 06"	105° 52' 29"					C-48-32-D-c
khu di tích quốc gia đặc biệt Khảo cổ - Kiến trúc - Nghệ thuật Gò Tháp	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 36' 18"	105° 49' 38"					C-48-32-D-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 36' 32"	105° 49' 42"					C-48-32-D-c
Quốc lộ N2	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 17"	105° 50' 49"	10° 32' 55"	105° 54' 04"	C-48-32-D-c
tháp Cổ Tự	KX	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười	10° 36' 24"	105° 49' 37"					C-48-32-D-c
Kênh 200	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 36' 14"	105° 50' 07"	10° 34' 40"	105° 53' 31"	C-48-32-D-c
Kênh 500	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 36' 04"	105° 49' 56"	10° 31' 12"	105° 54' 22"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh 500	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 19"	105° 52' 52"	10° 33' 34"	105° 50' 42"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh 500	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 35' 26"	105° 49' 56"	10° 31' 15"	105° 53' 35"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh 700	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 32' 57"	105° 53' 40"	10° 36' 35"	105° 50' 36"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh 700	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 36' 48"	105° 50' 53"	10° 37' 35"	105° 49' 55"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 8000	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 32' 50"	105° 49' 49"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-D-c
Kênh 12000	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 36' 11"	105° 50' 02"	10° 36' 56"	105° 51' 02"	C-48-32-D-c
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-D-c
Kênh Ba	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 37' 15"	105° 49' 44"	10° 32' 34"	105° 53' 28"	C-48-32-D-c
kênh Đê Thanh Niên	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 35' 42"	105° 48' 57"	10° 37' 15"	105° 49' 44"	C-48-32-D-c
Kênh Giữa	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 30' 58"	105° 54' 11"	10° 35' 58"	105° 49' 49"	C-48-32-D-c
kênh Giữa Cô Hai	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 29' 27"	105° 54' 11"	10° 33' 03"	105° 50' 58"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Kênh Nhì	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 04"	105° 53' 22"	10° 35' 42"	105° 49' 18"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
kênh ranh Long An	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 39' 16"	105° 48' 22"	10° 32' 21"	105° 54' 29"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Tân Kiều	H. Tháp Mười			10° 31' 28"	105° 51' 55"	10° 32' 00"	105° 52' 33"	C-48-32-D-c C-48-32-D-d
Ấp 1	DC	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười	10° 43' 49"	105° 41' 32"					C-48-32-C-b
Ấp 2	DC	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười	10° 42' 43"	105° 40' 54"					C-48-32-C-b
Ấp 3	DC	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười	10° 42' 03"	105° 41' 57"					C-48-32-C-b
Ấp 4	DC	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười	10° 42' 28"	105° 43' 36"					C-48-32-C-b
Ấp 5	DC	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười	10° 40' 39"	105° 45' 32"					C-48-32-C-b
Kênh 500	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 43' 38"	105° 41' 54"	10° 41' 41"	105° 44' 01"	C-48-32-C-b
kênh An Long	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 39' 17"	105° 48' 22"	10° 42' 03"	105° 22' 34"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh An Tiến	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 35' 54"	105° 45' 40"	10° 41' 01"	105° 43' 38"	C-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Công Sự	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 41' 37"	105° 40' 23"	10° 40' 16"	105° 39' 39"	C-48-32-C-b
Kênh Cùng	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 40' 20"	105° 38' 47"	10° 44' 32"	105° 41' 26"	C-48-32-C-b
kênh Đứng Nông Trường	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 44' 32"	105° 40' 16"	10° 43' 56"	105° 40' 59"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
kênh Giáo Giáp	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 41' 38"	105° 40' 23"	10° 40' 37"	105° 43' 43"	C-48-32-C-b
kênh Giữa Ấp 5	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 41' 36"	105° 43' 54"	10° 39' 56"	105° 45' 57"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh Giữa Lô 3	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 41' 36"	105° 43' 54"	10° 43' 17"	105° 41' 16"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh Hậu 700	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 43' 52"	105° 42' 07"	10° 41' 34"	105° 40' 48"	C-48-32-C-b
kênh Lô 3	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 42' 46"	105° 40' 53"	10° 39' 41"	105° 45' 45"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh Lô 3 Kéo Dài	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 43' 00"	105° 39' 30"	10° 42' 46"	105° 40' 53"	C-48-32-C-b
kênh Phước Xuyên	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-A-d C-48-32-C-b
kênh ranh Tam Nông - Tháp Mười	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 45' 06"	105° 40' 49"	10° 41' 02"	105° 38' 24"	C-48-32-A-d C-48-32-C-b
kênh ranh Trường Xuân - Thạnh Lợi	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 39' 40"	105° 45' 48"	10° 40' 11"	105° 46' 05"	C-48-32-D-a
kênh Tân Công Sính 1	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 48' 48"	105° 33' 48"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-b
kênh Tân Công Sính 2	TV	xã Thạnh Lợi	H. Tháp Mười			10° 49' 02"	105° 34' 52"	10° 42' 46"	105° 40' 53"	C-48-32-C-b
ấp Hưng Lợi	DC	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười	10° 24' 28"	105° 51' 23"					C-48-44-B-a
ấp Lợi An	DC	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười	10° 25' 06"	105° 50' 55"					C-48-44-B-a
ấp Lợi Hòa	DC	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười	10° 22' 35"	105° 49' 26"					C-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười	10° 26' 07"	105° 51' 28"					C-48-44-B-a
Kênh 307	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 31' 30"	105° 49' 18"	10° 21' 20"	105° 48' 56"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
kênh Cà Dâm	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 24' 22"	105° 50' 48"	10° 25' 58"	105° 49' 09"	C-48-44-B-a
kênh Cái Lân	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 16"	105° 49' 26"	10° 22' 55"	105° 49' 29"	C-48-44-B-a
kênh Cây Dong	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 19"	105° 50' 24"	10° 22' 25"	105° 49' 26"	C-48-44-B-c
kênh Đứt Đoạn	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 23' 11"	105° 50' 58"	10° 23' 23"	105° 48' 56"	C-48-44-B-a
kênh Hãng Nước Mắm	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 39"	105° 50' 11"	10° 22' 37"	105° 49' 28"	C-48-44-B-a
Kênh Kho	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 23' 38"	105° 51' 08"	10° 25' 18"	105° 49' 04"	C-48-44-B-a
kênh Lê Phát Tân	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 24' 34"	105° 51' 24"	10° 24' 14"	105° 50' 14"	C-48-44-B-a
Kênh Năm	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 56"	105° 49' 41"	10° 24' 09"	105° 50' 12"	C-48-44-B-a
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 29' 44"	105° 56' 24"	10° 22' 04"	105° 50' 34"	C-48-44-B-a C-48-44-B-b C-48-44-B-c
Kênh Nhất	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 24' 31"	105° 51' 28"	10° 26' 43"	105° 49' 10"	C-48-44-B-a
Kênh Nhì	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 25' 23"	105° 52' 16"	10° 27' 56"	105° 49' 21"	C-48-44-B-a
kênh Ông Tà Nằm	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 57"	105° 49' 16"	10° 24' 35"	105° 49' 46"	C-48-44-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 02"	105° 50' 33"	10° 22' 18"	105° 48' 51"	C-48-44-B-c
kênh Thanh Mỹ - Mỹ An	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 24' 31"	105° 51' 28"	10° 29' 49"	105° 51' 46"	C-48-44-B-a
kênh Thôn Diện	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 23' 26"	105° 51' 03"	10° 23' 48"	105° 50' 03"	C-48-44-B-a
kênh xáng Bà Phủ	TV	xã Thanh Mỹ	H. Tháp Mười			10° 22' 58"	105° 48' 53"	10° 22' 04"	105° 50' 34"	C-48-44-B-a C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 39' 33"	105° 46' 40"					C-48-32-D-a
ấp 5A	DC	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 39' 29"	105° 47' 07"					C-48-32-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp 5B	DC	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 39' 20"	105° 47' 54"					C-48-32-D-a
ấp 6 Kinh Hội	DC	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 36' 56"	105° 43' 07"					C-48-32-C-d
ấp 6A	DC	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 36' 58"	105° 47' 58"					C-48-32-D-c
ấp 6B	DC	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 38' 59"	105° 46' 59"					C-48-32-D-a
Đường tỉnh 845	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 31' 36"	105° 50' 43"	10° 39' 00"	105° 47' 09"	C-48-32-D-c C-48-32-D-a
cầu Bảy Quận	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 37' 11"	105° 47' 54"					C-48-32-D-a
cầu K27	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 39' 16"	105° 47' 50"					C-48-32-D-a
cầu Kênh Ranh	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 39' 15"	105° 48' 23"					C-48-32-D-a
cầu Kênh Thanh Niên	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 38' 43"	105° 47' 15"					C-48-32-D-a
cầu Kênh Tứ	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 38' 54"	105° 47' 04"					C-48-32-D-a
di tích lịch sử Đền thờ Đốc Binh Kiều	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười	10° 39' 27"	105° 47' 02"					C-48-32-D-a
đường Võ Văn Kiệt	KX	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 33' 19"	105° 29' 43"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-D-a
Kênh 450	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 37' 51"	105° 44' 48"	10° 38' 47"	105° 47' 06"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
Kênh 600	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 09"	105° 46' 22"	10° 37' 58"	105° 45' 41"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
Kênh 900	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 11"	105° 46' 02"	10° 37' 51"	105° 45' 22"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
Kênh 1000	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 16"	105° 47' 37"	10° 38' 47"	105° 46' 28"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
Kênh 1200	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 08"	105° 46' 42"	10° 38' 05"	105° 45' 58"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 1800	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 38' 12"	105° 46' 19"	10° 36' 04"	105° 47' 08"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
kênh An Long	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 40' 03"	105° 41' 50"	10° 39' 35"	105° 46' 44"	C-48-32-C-a C-48-32-D-a
kênh An Phong - Mỹ Hòa	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 37' 07"	105° 24' 43"	10° 34' 58"	105° 52' 25"	C-48-32-C-d C-48-32-D-c
kênh An Tiến	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 35' 54"	105° 45' 40"	10° 41' 01"	105° 43' 38"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d C-48-32-D-c
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 39' 35"	105° 46' 45"	10° 39' 17"	105° 48' 22"	C-48-32-D-a
kênh Đồng Tiến	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 42' 03"	105° 22' 34"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
kênh Đường Thét	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 27' 59"	105° 42' 15"	10° 40' 03"	105° 41' 50"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
kênh Giáo Giáp	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 38' 24"	105° 44' 33"	10° 39' 06"	105° 46' 22"	C-48-32-C-b C-48-32-C-d
kênh Hậu K27	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 37' 35"	105° 49' 55"	10° 38' 16"	105° 47' 59"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
kênh Hội Kỳ Nhất	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 25"	105° 41' 32"	10° 38' 32"	105° 47' 12"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a C-48-32-C-d
kênh Hội Kỳ Nhì	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 37' 02"	105° 40' 55"	10° 39' 06"	105° 46' 22"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a C-48-32-C-d
kênh K27	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 39' 22"	105° 47' 49"	10° 37' 15"	105° 49' 44"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Năm Tất	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 19"	105° 43' 24"	10° 36' 55"	105° 45' 13"	C-48-32-C-d C-48-32-D-c
kênh Ông Đốc	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 37' 23"	105° 42' 54"	10° 38' 52"	105° 47' 03"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a C-48-32-C-d
kênh Phong Tất	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 36' 39"	105° 45' 20"	10° 36' 11"	105° 43' 41"	C-48-32-C-d C-48-32-D-c
kênh Phước Xuyên	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 51' 34"	105° 33' 22"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-C-b C-48-32-D-a
Kênh Ranh	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 39' 40"	105° 45' 45"	10° 39' 06"	105° 45' 39"	C-48-32-D-a
kênh ranh Long An	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 39' 16"	105° 48' 22"	10° 32' 21"	105° 54' 29"	C-48-32-D-a C-48-32-D-c
kênh Tư Mới	TV	xã Trường Xuân	H. Tháp Mười			10° 39' 35"	105° 46' 44"	10° 27' 07"	105° 53' 55"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng